

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THỌ**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Thị Thanh Mai
Giảng viên hướng dẫn: Ths. Trần Thị Thanh Thảo**

HẢI PHÒNG - 2016

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Thanh Mai

Mã SV:1513401034

Lớp: QTL 901K

Ngành: Kế toán – kiểm

toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ
phần Trường Thọ.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Nghiên cứu lý luận chung về công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.
 - Mô tả và phân tích thực trạng tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại công ty Cổ phần Trường Thọ
 - Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu nói riêng, trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác hạch toán kế toán tại công ty Cổ phần Trường Thọ

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - Tài liệu về công tác kế toán nguyên vật liệu năm 2015 tại Công ty Cổ phần Trường Thọ

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.
Công Ty Cổ phần Trường Thọ
Địa chỉ: Xóm 6, Xã Mỹ Đông, Huyện Thủy Nguyên, Tp. Hải Phòng

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Trần Thị Thanh Thảo

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Trường Thọ

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 10 tháng 10 năm 2016

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Nguyễn Thị Thanh Mai

Ths. Trần Thị Thanh Thảo

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2016

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị

PHÂN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

Sinh viên Nguyễn Thị Thanh Mai lớp QTL901K trong quá trình làm khóa luận tốt nghiệp chấp hành tốt các quy định của giáo viên hướng dẫn cả về thời gian và nội dung yêu cầu của bài viết. Ngoài ra sinh viên Mai còn rất chăm chỉ chịu khó nghiên cứu tìm hiểu lý thuyết và thực tế công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Trường Thọ nhằm phục vụ cho nội dung của bài khóa luận do đó số liệu bảng biểu trong bài khá phong phú và logic.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

-Chương 1: Đã hệ thống hóa được cơ sở lý luận về kế toán nguyên vật liệu trong DN vừa và nhỏ

-Chương 2: Mô tả được chi tiết công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty Công ty Cổ phần Trường Thọ theo hình thức Nhật ký chung với số liệu năm 2015. Số liệu bảng biểu khá phong phú và logic cho thấy quá trình nghiên cứu nghiêm túc của sinh viên.

-Chương 3: Đưa ra nhận xét về công tác kế toán nguyên vật liệu từ đó đưa ra được một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán này tại công ty Công ty Cổ phần Trường Thọ.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....
.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2016

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ths. Trần Thị Thanh Thảo

MỤC LỤC

| | |
|--|----|
| LỜI MỞ ĐẦU | 8 |
| CHƯƠNG 1: NHỮNG LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP | 9 |
| 1.1. Những vấn đề cơ bản về nguyên vật liệu..... | 9 |
| 1.1.1. Khái niệm, đặc điểm của nguyên vật liệu | 9 |
| 1.1.2. Phân loại và đánh giá nguyên vật liệu..... | 9 |
| 1.2.Kế toán chi tiết nguyên vật liệu | 13 |
| 1.2. 1.Phương pháp thẻ song song..... | 13 |
| 1.2.2.Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển..... | 14 |
| 1.2.3.Phương pháp sổ số dư | 15 |
| 1.3.Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu | 16 |
| 1.3.1.Theo phương pháp kê khai thường xuyên..... | 16 |
| 1.4.1. Hình thức Nhật ký chung | 25 |
| 1.4.2. Hình thức Nhật ký -sổ cái | 26 |
| 1.4.3. Hình thức Chứng từ ghi sổ | 27 |
| 1.4.4 Hình thức Nhật ký chứng từ..... | 29 |
| 1.4.5 Hình thức kế toán máy | 30 |
| CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THỌ | 32 |
| 2.1 Tổng quan về Công ty Cổ phần Trường Thọ | 32 |
| 2.1.1.Khái quát về Công ty Cổ phần Trường Thọ..... | 32 |
| 2.1.2 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của công ty: | 32 |
| 2.1.3.Khái quát tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty Cổ phần Trường Thọ..... | 33 |
| 2.1.4 Đặc điểm tổ chức bộ phận kế toán. | 34 |
| 2.2 Thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ Phần Trường Thọ | 36 |
| 2.2.1 Đặc điểm, phân loại và đánh giá nguyên vật liệu | 36 |
| 2.2.2 Chứng từ sử dụng: | 37 |
| 2.2.3 Tài khoản sử dụng | 37 |

| | |
|---|----|
| 2.2.4. Quy trình ghi sổ | 37 |
| CHƯƠNG 3:..... | 55 |
| MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THỌ | 55 |
| 3.1. Đánh giá chung về công tác tổ chức kế toán và kế toán nguyên vật liệu tại công ty Cổ Phần Trường Thọ | 55 |
| 3.1.1. Những ưu điểm..... | 55 |
| 3.1.2. Những hạn chế..... | 56 |
| 3.2. Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ Phần Trường Thọ | 56 |
| 3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức kế toán nguyên vật liệu:..... | 56 |
| 3.2.2 Một số biện pháp đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty. | 57 |
| KẾT LUẬN | 66 |
| DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO | 67 |

LỜI MỞ ĐẦU

Kế toán luôn gắn liền với nền sản xuất xã hội, nó là một công cụ không thể thiếu được trong công việc điều hành và quản lý kinh tế vĩ mô. Trong nền kinh tế thị trường, mỗi doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển phải có những phương án sản xuất và chiến lược kinh doanh có hiệu quả. Để làm được điều đó, các doanh nghiệp phải luôn cải tiến và nâng cao chất lượng sản phẩm, tiết kiệm các yếu tố đầu vào, hạ giá thành sản phẩm. Chi phí nguyên vật liệu (NVL) thường chiếm tỉ trọng lớn trong tổng giá thành sản phẩm. Do đó việc hạch toán nguyên vật liệu luôn được coi là một trong những nhiệm vụ quan trọng. Công tác hạch toán nguyên vật liệu, đúng sẽ giúp cho doanh nghiệp cung cấp nguyên vật liệu, một cách kịp thời, đầy đủ đồng thời kiểm tra và giám sát chặt chẽ việc chấp hành các định mức dự trữ tiêu hao vật liệu, đảm bảo sử dụng nguyên vật liệu, công cụ tiết kiệm có hiệu quả, hạ giá thành sản phẩm đem lại lợi nhuận cao cho doanh nghiệp.

Với kiến thức được trang bị trong thời gian học tập tại trường cùng với sự nhận thức về vai trò và tầm quan trọng của nguyên vật liệu, trong doanh nghiệp, em đã chọn đề tài: “ Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu” để viết khóa luận tốt nghiệp.

Nội dung chính của bài khóa luận được trình bày gồm ba phần:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Trường Thọ.

Chương 3: Một số biện pháp hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Trường Thọ.

Do thời gian có hạn và còn hạn chế về mặt lý luận cũng như kinh nghiệm thực tế nên bài khóa luận của em còn những thiếu sót về mặt nội dung và hình thức. Em mong được sự góp ý của thầy cô và các anh chị kế toán ở Công ty Cổ phần Trường Thọ để khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG 1

NHỮNG LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Những vấn đề cơ bản về nguyên vật liệu

1.1.1. Khái niệm, đặc điểm của nguyên vật liệu

❖ Khái niệm

Nguyên vật liệu của doanh nghiệp là đối tượng lao động mua ngoài hoặc tự chế biến dùng chủ yếu cho quá trình chế tạo ra sản phẩm. Giá trị nguyên vật liệu thường chiếm tỷ lệ cao trong giá thành sản phẩm.

❖ Đặc điểm

Chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất kinh doanh, trong quá trình tham gia vào hoạt động kinh doanh bị tiêu hao toàn bộ, biến đổi hình thái vật chất ban đầu để cấu thành nên thực thể sản phẩm.

Nguyên vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất, giá trị vật liệu sẽ chuyển dịch hết một lần vào giá trị sản phẩm làm ra. Nguyên vật liệu không hao mòn dần như tài sản cố định.

Nguyên vật liệu được xếp vào tài sản lưu động, giá trị vật liệu thuộc vốn lưu động dự trữ. Trong các doanh nghiệp sản xuất, nguyên vật liệu thường chiếm tỷ trọng lớn trong chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm.

Nguyên vật liệu có nhiều loại khác nhau, bảo quản phức tạp. Nguyên vật liệu thường được xuất nhập hàng ngày do đó nếu không tổ chức tốt công tác quản lý và hạch toán vật liệu sẽ gây ra lãng phí và mất mát.

1.1.2. Phân loại và đánh giá nguyên vật liệu

1.1.2.1. Phân loại nguyên vật liệu

Hiện nay có rất nhiều cách phân loại nguyên vật liệu mà chủ yếu là :

❖ Căn cứ vào công dụng chủ yếu và tính năng sử dụng

Nguyên vật liệu chính: bao gồm các loại nguyên vật liệu tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất để cấu tạo nên thực thể sản phẩm

Nguyên vật liệu phụ: là loại nguyên vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất không cấu thành nên thực thể sản phẩm mà chỉ kết hợp với nguyên vật liệu chính để làm tăng chất lượng hoặc giá trị sử dụng của sản phẩm.

Nhiên liệu: bao gồm các loại vật liệu có tác dụng cung cấp nhiệt lượng cho quá trình sản xuất

Phụ tùng thay thế: bao gồm các loại nguyên vật liệu được sử dụng cho việc thay thế sửa chữa các loại tài sản cố định, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải....

Phế liệu: là những phần vật chất mà doanh nghiệp có thể thu hồi được (bên cạnh các loại thành phẩm) trong quá trình sản xuất kinh doanh.

❖ Căn cứ vào nguồn cung cấp nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu mua ngoài: là nguyên vật liệu mà doanh nghiệp mua bên ngoài từ các nhà cung cấp.

Vật liệu tự chế biến: là vật liệu do doanh nghiệp sản xuất ra và sử dụng như nguyên liệu để sản xuất sản phẩm.

Vật liệu thuê gia công ngoài: là loại vật liệu thuê các cơ sở gia công làm nên.

Nguyên vật liệu nhận vốn góp liên doanh: là nguyên vật liệu do các bên liên doanh góp vốn theo thỏa thuận hợp đồng liên doanh.

Nguyên vật liệu được cấp: là nguyên vật liệu do đơn vị cấp trên cấp cho cấp dưới theo quy định.

1.1.2.2. *Đánh giá nguyên vật liệu*

1.1.2.2.1 *Đối với NVL nhập kho*

❖ Vật tư nhập kho do mua ngoài

Vật tư nhập kho do mua ngoài = Giá mua trên hóa đơn + Các khoản thuế không được hoàn lại + Chi phí thu mua - CKTM, giảm giá hàng mua, hàng mua trả lại

❖ Vật tư tự gia công, chế biến tính theo giá thành sản xuất thực tế.

Giá thành vật tư tự gia công chế biến = Giá TT vật tư xuất gia công chế biến + CPPS liên quan tới gia công chế biến

❖ Vật tư thuê ngoài gia công chế biến

Giá vật tư thuê ngoài = Giá TT vật tư xuất + CPPS liên quan tới

gia công chế biến

thuê gia công chế biến

gia công chế biến

❖ Vật tư nhận góp liên doanh

Giá TT vật tư nhận góp liên doanh = Giá đánh giá của hội đồng góp vốn + CPPS liên quan tới quá trình tiếp nhận

❖ Vật tư được cấp

Giá thực tế vật tư được cấp = Giá ghi trên biên Bản bàn giao + CPPS liên quan tới quá trình tiếp nhận đầu tư

❖ Phế liệu thu hồi tính theo giá trị thu hồi tối thiểu hoặc giá ước tính có thể sử dụng được

1.1.2.2.1 Đối với NVL xuất kho

Giá trị vật tư xuất kho được tính theo một trong các phương pháp sau:

❖ Phương pháp giá thực tế đích danh:

Theo phương pháp này khi nguyên vật liệu xuất kho thuộc lô hàng nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính.

Tuy nhiên việc áp dụng phương pháp này đòi hỏi những điều kiện khắt khe, chỉ những doanh nghiệp kinh doanh ít mặt hàng, hàng tồn kho có giá trị lớn, mặt hàng ổn định và loại hàng tồn kho nhận diện được thì mới áp dụng được phương pháp này. Còn đối với những doanh nghiệp có nhiều loại hàng thì không thể áp dụng được phương pháp này.

❖ Phương pháp nhập trước xuất trước:

Phương pháp này dựa trên giá định là nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ được mua trước hoặc sản xuất trước và nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ còn lại cuối kỳ là được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc

gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ.

❖ Phương pháp bình quân gia quyền

Theo phương pháp này, trị giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ xuất dùng trong kỳ được tính theo đơn giá bình quân như sau:

Giá thực tế xuất kho = số lượng NVL xuất kho x đơn giá bình quân

$$\text{Đơn giá bình quân} = \frac{\text{Giá trị NVL xuất kho} + \text{Giá trị NVL nhập kho}}{\text{Số lượng NVL tồn kho} + \text{Số lượng NVL nhập kho}}$$

❖ Theo giá bình quân gia quyền cả kỳ(giá bình quân cả kỳ dự trữ)

Theo phương pháp này, đến cuối kỳ mới tính trị giá vốn của hàng xuất kho trong kỳ. Tùy theo kỳ dự trữ của doanh nghiệp áp dụng mà kế toán nguyên vật liệu căn cứ vào giá nhập, lượng hàng tồn đầu kỳ và nhập trong kỳ để tính đơn giá bình quân. Giá đơn vị bình quân được tính theo phương pháp sau:

$$\text{Đơn giá xuất kho bình quân trong kỳ} = \frac{\text{Giá trị NVL tồn DK} + \text{giá trị NVL nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng NVL tồn DK} + \text{số lượng nhập trong kỳ}}$$

Ưu điểm:

Đơn giản, dễ làm, chỉ cần tính toán 1 lần vào cuối kỳ.

Nhược điểm: độ chính xác không cao, hơn nữa công việc dồn vào cuối tháng gây ảnh hưởng đến tiến độ của các phần hành khác. Ngoài ra, phương pháp này chưa đáp ứng yêu cầu kịp thời của thông tin kế toán ngay thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

❖ Bình quân liên hoàn(giá bình quân sau mỗi lần nhập)

Sau mỗi lần nhập nguyên vật liệu kế toán phải xác định lại giá trị thực của hàng tồn kho và giá đơn vị bình quân được tính theo công thức

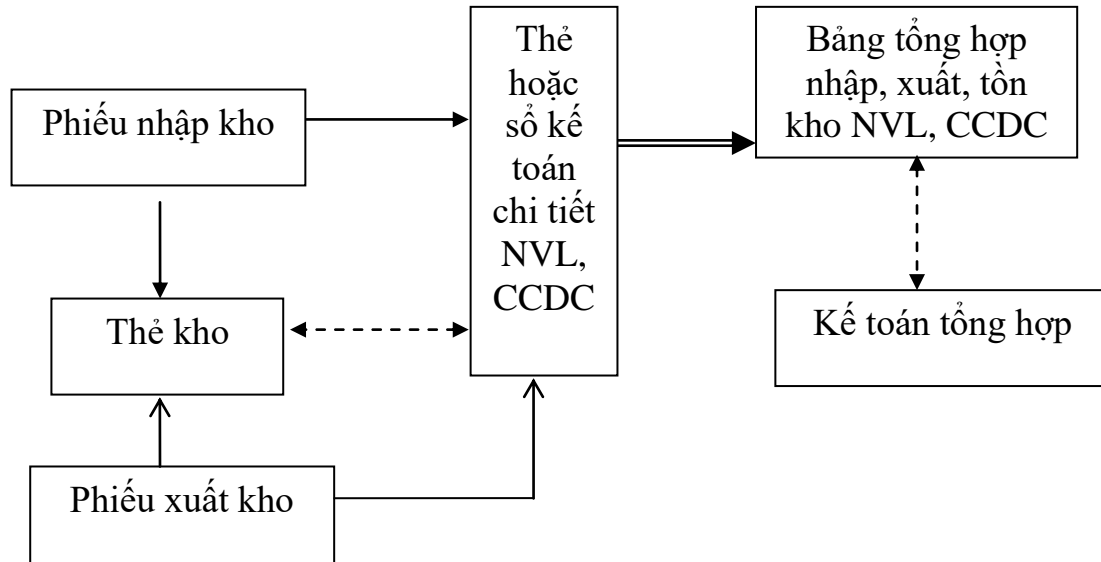
$$\text{Đơn giá xuất kho lần thứ } i = \frac{\text{Trị giá NVL tồn DK} + \text{trị giá NVL nhập trước lần xuất thứ } i}{\text{Số lượng NVL tồn DK} + \text{số lượng NVL nhập trước lần xuất thứ } i}$$

Ưu điểm: phương pháp này khắc phục được nhược của các phương pháp trên, vừa chính xác vừa cập nhập được thường xuyên liên tục.

Nhược điểm: tốn khá nhiều công sức và phải tính toán nhiều lần.

1.2.Kế toán chi tiết nguyên vật liệu

1.2. 1.Phương pháp thẻ song song



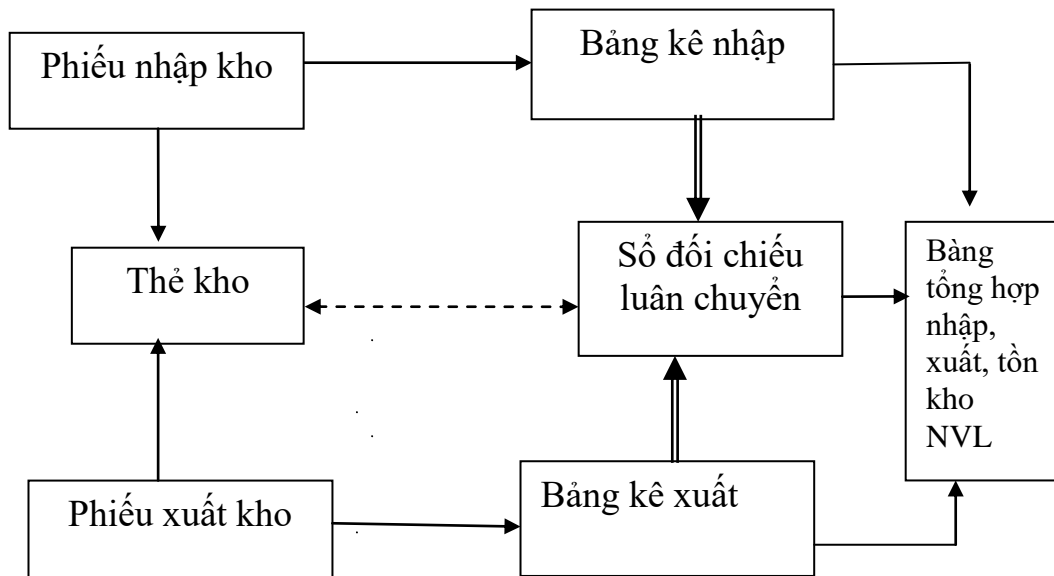
- Ghi chú :
- Ghi hàng ngày →
 - Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ⇒
 - Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ↔

Ở kho: thủ kho theo dõi về mặt số lượng, căn cứ vào PNK, P XK thủ kho tiến hành nhập xuất vật tư sau đó ghi vào thẻ kho, mỗi chứng từ được ghi một dòng, hàng ngày phải chuyển PNK, P XK cho kế toán vật tư, phải thường xuyên đối chiếu về mặt số liệu giữ thẻ kho với số lượng thực tế trong kho với số liệu kế toán theo dõi trên sổ chi tiết vật tư.

Ở phòng kế toán: hàng ngày hoặc định kỳ khi nhận được PNK, P XK do thủ kho chuyển đến, kế toán ghi đơn giá tính thành tiền sau đó ghi vào sổ chi tiết vật liệu, định kỳ hợp cuối tháng phải đối chiếu với số liệu trên sổ kế toán tổng hợp

Nhận xét: phương pháp thẻ song song đơn giản, dễ kiểm tra đối chiếu nhưng việc ghi chép còn nhiều trùng lặp vì thế chỉ thích hợp với doanh nghiệp có quy mô nhỏ, số lượng nghiệp vụ ít, trình độ nhân viên kế toán chưa cao

1.2.2. Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển



Ghi chú

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ==>

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra <- - - ->

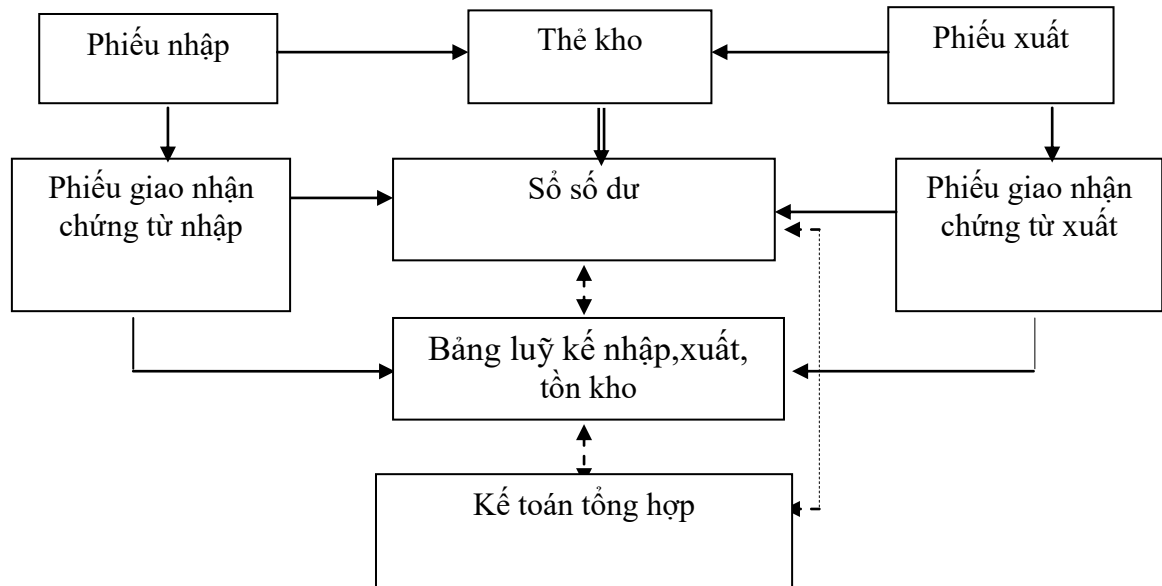
Ở kho: thủ kho theo dõi về mặt số lượng, căn cứ vào PNK, P XK thủ kho tiến hành nhập khẩu vật tư sau đó ghi vào thẻ kho, mỗi chứng từ được ghi một dòng, hàng ngày phải chuyển PNK, P XK cho kế toán vật tư, phải thường xuyên đối chiếu về mặt số liệu giữa thẻ kho với số lượng thực tế trong kho với số lượng kế toán theo dõi trên sổ chi tiết vật tư.

Ở phòng kế toán: hàng ngày sau khi nhận được chứng từ nhập kho, xuất kho, kế toán kiểm tra hoàn chỉnh chứng từ, phân loại theo từng loại. Sau đó lập bảng kê xuất nhập, cuối tháng căn cứ vào bảng kê nhập xuất để ghi vào sổ kế toán luân chuyển.

Nhận xét: phương pháp này dễ kiểm tra đối chiếu, nhưng việc ghi chép vẫn còn trùng lặp về chi tiết số lượng, giữa thủ kho và phòng kế toán, làm tăng chi phí kế

toán, mặt khác công việc được dồn vào cuối tháng nên ảnh hưởng đến việc cung cấp thông tin cho quản lý vì vậy phương pháp này chỉ nên áp dụng cho doanh nghiệp có quy mô nhỏ, mật độ nhập xuất ít.

1.2.3.Phương pháp sổ số dư



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày hoặc định kỳ
- ====> Ghi cuối tháng
- ←-----> Đối chiếu kiểm tra

Ở kho: Ngoài sử dụng thẻ kho để ghi chép sử dụng sổ số dư để ghi chép số tồn kho cuối tháng của từng loại NVL theo chỉ tiêu số lượng. Cuối tháng sổ số dư được chuyển cho thủ kho để ghi số lượng hàng tồn kho trên cơ sở số liệu từ thẻ kho.

Ở phòng kế toán: Định kỳ kế toán xuống kiểm tra và trực tiếp nhận chứng từ nhập xuất kho, sau đó tiến hành tổng hợp số liệu theo chỉ tiêu giá trị của NVL nhập xuất theo từng nhóm NVL để ghi vào bảng kê nhập xuất, tiếp đó ghi vào bảng kê lũy kế nhập xuất, đến cuối tháng ghi vào phần nhập xuất tồn của bảng kê tổng hợp. Đồng thời cuối tháng khi nhận sổ số dư từ thủ kho, kế toán tính giá trị của NVL tồn kho để ghi vào sổ số dư, cột thành tiền số liệu này phải khớp với tồn kho cuối tháng trên bảng tổng hợp nhập xuất tồn kho cuối kỳ.

1.3. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu là tài sản lưu động thuộc hàng tồn kho của Doanh nghiệp, nó được nhập, xuất kho thường xuyên liên tục. Tuy nhiên tùy theo đặc điểm của NVL của từng doanh nghiệp có các phương pháp kiểm kê khác nhau. Có doanh nghiệp kiểm kê theo từng nghiệp vụ nhập xuất, nhưng cũng có những doanh nghiệp chỉ kiểm kê một lần vào thời điểm cuối kỳ. Tương ứng với hai phương pháp kiểm kê trên, trong kế toán tổng hợp NVL nói riêng hàng tồn kho nói chung có hai phương pháp:

- ✓ Phương pháp kê khai thường xuyên.
- ✓ Phương pháp kiểm kê định kỳ.

Việc tính giá thực tế NVL nhập kho là như nhau đối với cả hai phương pháp, nhưng giá xuất kho vật tư lại khác nhau.

Theo phương pháp kê khai thường xuyên, giá thực tế vật liệu xuất kho được căn cứ vào chứng từ xuất kho sau khi đã tập hợp phân loại theo đối tượng sử dụng để ghi sổ kế toán.

Theo phương pháp kiểm kê định kỳ, giá trị vật tư xuất dùng lại căn cứ vào giá trị thực tế tồn kho đầu kỳ, mua (nhập) trong kỳ và kết quả kiểm kê cuối kỳ, được tính theo công thức:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Trị giá NVL} & = & \text{Giá trị NVL} & + & \text{Trị giá NVL} & - & \text{Trị giá NVL} \\ \text{xuất kho} & & \text{tồn kho đầu kỳ} & & \text{nhập kho} & & \text{tồn kho cuối kỳ} \end{array}$$

1.3.1. Theo phương pháp kê khai thường xuyên**1.3.1.1 Đặc điểm của phương pháp kê khai thường xuyên****❖ Khái niệm**

Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp phản ánh, ghi chép thường xuyên, liên tục có hệ thống tình hình Nhập – Xuất- Tồn kho các loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa.... trên tài khoản và sổ kế toán tổng hợp dựa trên các chứng từ nhập, xuất. Theo phương pháp này, các tài khoản tồn kho được dùng để phản ánh số hiện có, tình hình biến động tăng hoặc giảm các loại hàng tồn kho. Vì vậy, giá trị hàng tồn kho có thể được xác định ở bất kỳ thời điểm nào.

❖ Ưu điểm

Theo dõi được thường xuyên, liên tục tình hình Nhập- Xuất- Tồn theo các chứng từ nên việc xác định giá vốn của nguyên vật liệu được chính xác.

❖ **Nhược điểm:**



Đối với nguyên vật liệu công kênh, điều kiện cân đo đong đếm không được chính xác thì giá trị sản xuất theo chứng từ kế toán nhiều khi xa rời với giá vốn thực tế làm cho công việc kế toán tốn nhiều công sức, phức tạp và phải điều chỉnh số liệu giữa kiểm kê với số liệu tính toán.

1.3.1.2. Tài khoản sử dụng

❖ **Tài khoản 152: Nguyên liệu - vật liệu**

Tài khoản này được dùng để theo dõi giá trị hiện có, tình hình tăng giảm của nguyên vật liệu theo giá thực tế, có thể mở chi tiết cho từng loại nhóm tùy theo yêu cầu quản lý và phương tiện thanh toán.

Kết cấu tài khoản 152:

| Nợ | TK 152 | Có |
|---|--------|---|
| <p><u>SDDK</u>: Trị giá thực tế nguyên, vật liệu tồn kho đầu kỳ</p> <p>Trị giá thực tế của nguyên vật liệu nhập kho do mua ngoài, tự chế,....</p> <p>Trị giá nguyên vật liệu thừa phát hiện khi kiểm kê</p> | | <p>Trị giá thực tế của nguyên, vật liệu xuất kho dùng vào sản xuất, kinh doanh....</p> <p>Trị giá nguyên vật liệu trả lại cho người bán hoặc được giảm giá hàng mua.</p> <p>Chiết khấu thương mại nguyên, vật liệu khi mua .</p> <p>Trị giá nguyên vật liệu hao hụt, mất mát phát hiện khi kiểm kê.</p> |
| <p>Σ Số phát sinh </p> | | <p>Σ Số phát sinh </p> |
| <p><u>SDCK</u> Trị giá thực tế nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ</p> | | |

❖ Tài khoản 151: Hàng mua đang đi đường:

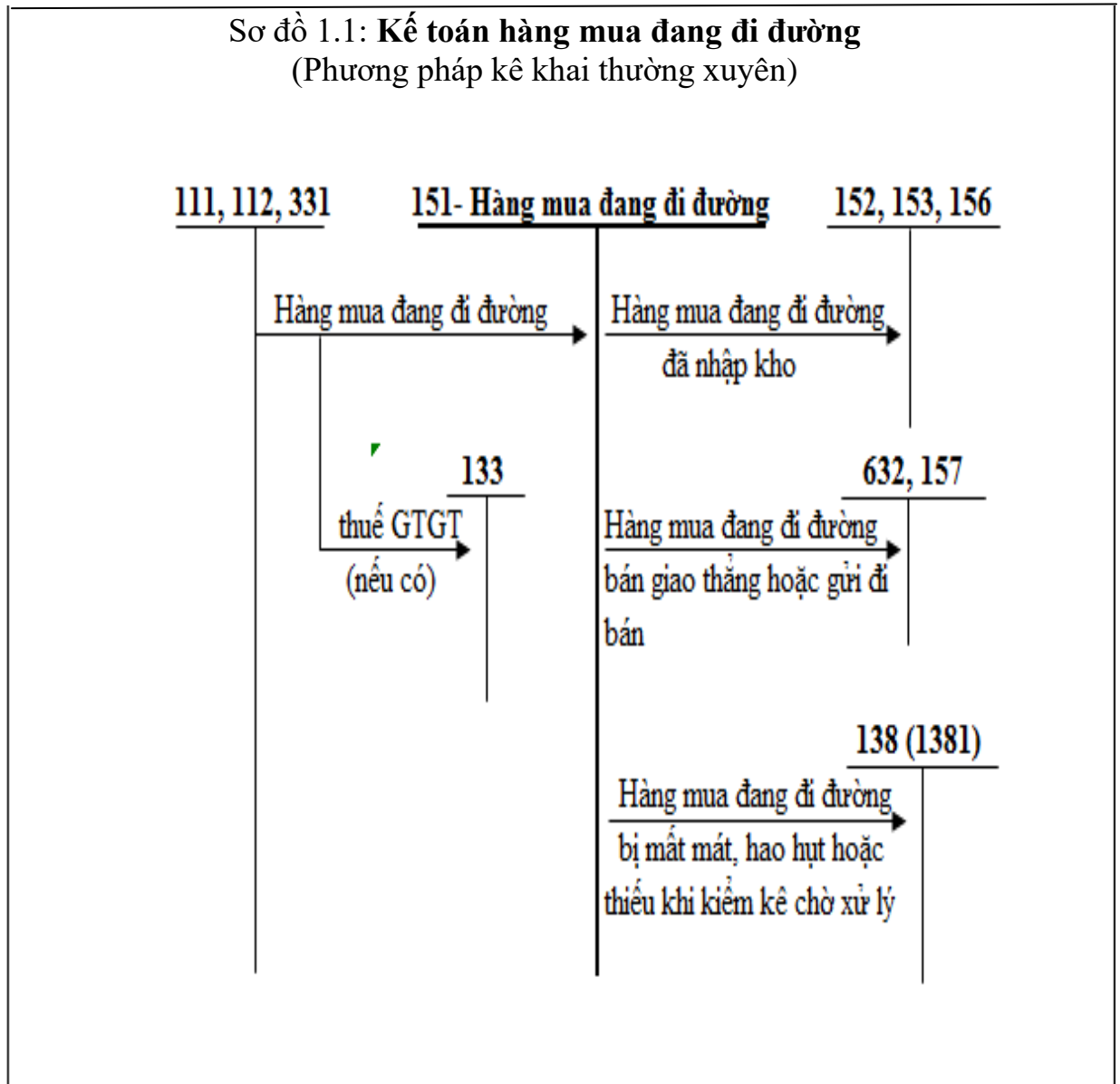
Tài khoản này dùng để theo dõi các loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa... mà doanh nghiệp đã mua hay chấp nhận mua thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp nhưng cuối tháng hàng chưa về nhập kho(kể cả số gửi kho người bán).

Kết cấu tài khoản 151:

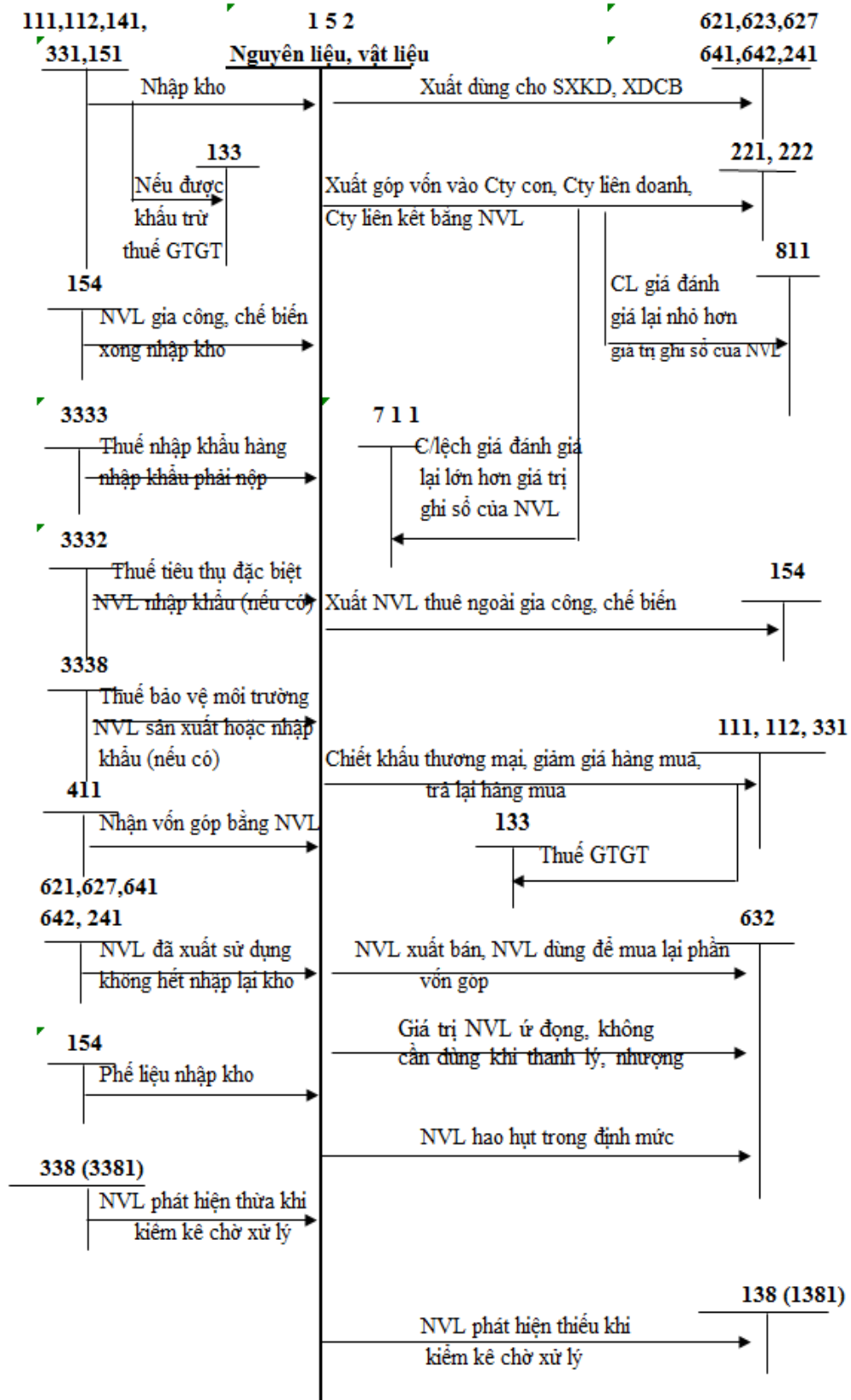
| Nợ | TK 151 | Có |
|---|--|--|
| <p><u>SDDK</u>: Trị giá NVL, CCDC đã mua nhưng đang đi đường(chưa nhập kho) đầu kỳ</p> <p>Trị giá NVL, CCDC đã mua đang đi đường</p> | <p>Trị giá hàng hóa đã mua đang đi đường đã về nhập kho hoặc đã chuyển thẳng cho bộ phận sản xuất.</p> | |
| <p>Σ Số phát sinh </p> | | <p>Σ Số phát sinh </p> |
| <p><u>SDCK</u> Trị giá NVL, CCDC đã mua nhưng đang đi đường(chưa nhập kho) cuối kỳ</p> | | |

Ngoài ra còn sử dụng một số tài khoản khác như TK 133, 111, 112, 331.....

1.3.1.3. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.2: Kế toán nguyên liệu, vật liệu
(Phương pháp kê khai thường xuyên)



1.3.2.Theo phương pháp kiểm kê định kỳ

1.3.2.1. Đặc điểm của phương pháp kiểm kê định kỳ

❖ Khái niệm

Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp hạch toán căn cứ vào kết quả kiểm kê để phản ánh giá trị hàng tồn kho cuối kỳ của vật tư, hàng hóa trên sổ kế toán tổng hợp. Từ đó tính ra giá trị vật tư, hàng hóa xuất kho trong kỳ này theo công thức:

Số lượng NVL xuất= Số lượng NVL tồn đầu kỳ+ Số lượng NVL nhập trong kỳ – Số lượng NVL tồn cuối kỳ.

Theo phương pháp kiểm kê định kỳ, mọi biến động của vật tư hàng hóa nhập kho, xuất kho không theo dõi phản ánh trên tài khoản kế toán hàng tồn kho mà được theo dõi trên một tài khoản riêng là TK 611 : “ Mua hàng”.

Công tác kiểm kê vật tư hàng hóa, sẽ được tiến hành vào mỗi cuối kỳ kế toán để xác định giá trị hàng tồn kho thực tế làm căn cứ ghi sổ kế toán của các tài khoản hàng tồn kho, đồng thời căn cứ vào giá trị vật tư, hàng hóa tồn kho để xác định giá trị vật tư, hàng hóa xuất kho trong kỳ làm căn cứ để ghi sổ kế toán tài khoản 611

❖ Ưu điểm

Việc ghi chép đơn giản, gọn nhẹ do không phải đối chiếu giữa số liệu kế toán và số liệu kiểm kê .

❖ Nhược điểm

Trên tài khoản tổng hợp không thể hiện rõ giá trị vật liệu xuất dùng(hoặc xuất bán).

1.3.2.2. Tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 611: Mua hàng.

| Kết cấu tài khoản | |
|--|--|
| Nợ | Có |
| TK 611 | TK 611 |
| Giá nguyên vật liệu, CCDC mua trong kỳ | Giá NVL, CCDC xuất ra sử dụng trong kỳ. Giá NVL, CCDC mua vào trả lại cho người bán hoặc được giảm giá. |
| Σ Số phát sinh ↑ | Σ Số phát sinh ↓ |

- TK 611 không có số dư đầu kỳ và cuối kỳ

TK 611: mua hàng có 2 tài khoản cấp 2

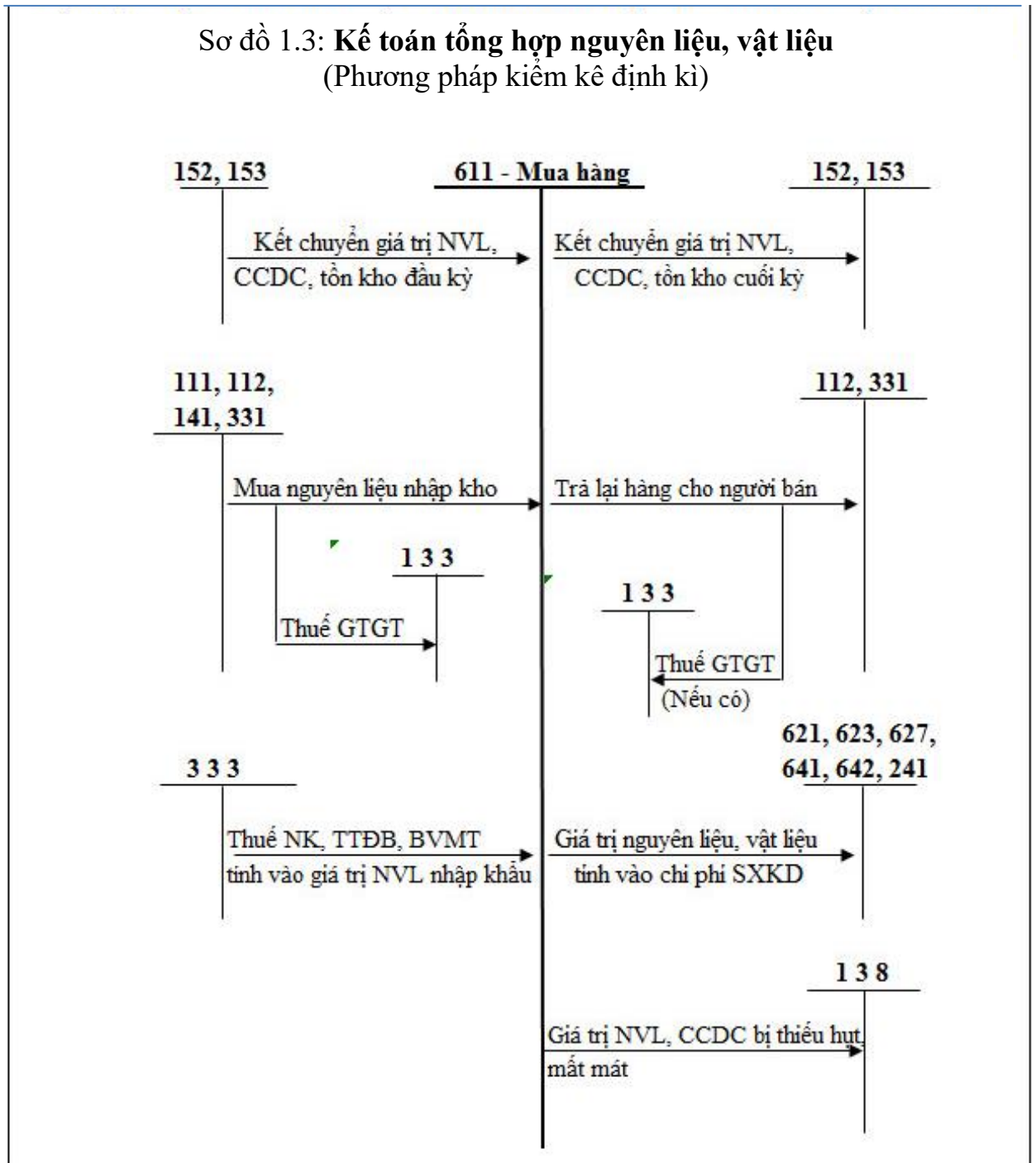
TK 6111: mua nguyên vật liệu.

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị nguyên vật liệu, công cụ mua vào, xuất sử dụng trong kỳ kế toán và kết chuyển giá trị nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tồn kho đầu kỳ, tồn kho cuối kỳ kế toán.

Tài khoản 6112 : Mua hàng hóa

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hàng hóa mua vào, xuất bán trong kỳ kế toán và kết chuyển giá trị hàng hóa tồn kho đầu kỳ, tồn kho cuối kỳ kế toán.

1.3.2.3. Phương pháp hạch toán



1.4. Tổ chức vận dụng sổ sách kế toán trong công tác kế toán NVL trong doanh nghiệp

Theo thông tư 200/2014/ TT- BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính.

1.4.1. Hình thức Nhật ký chung

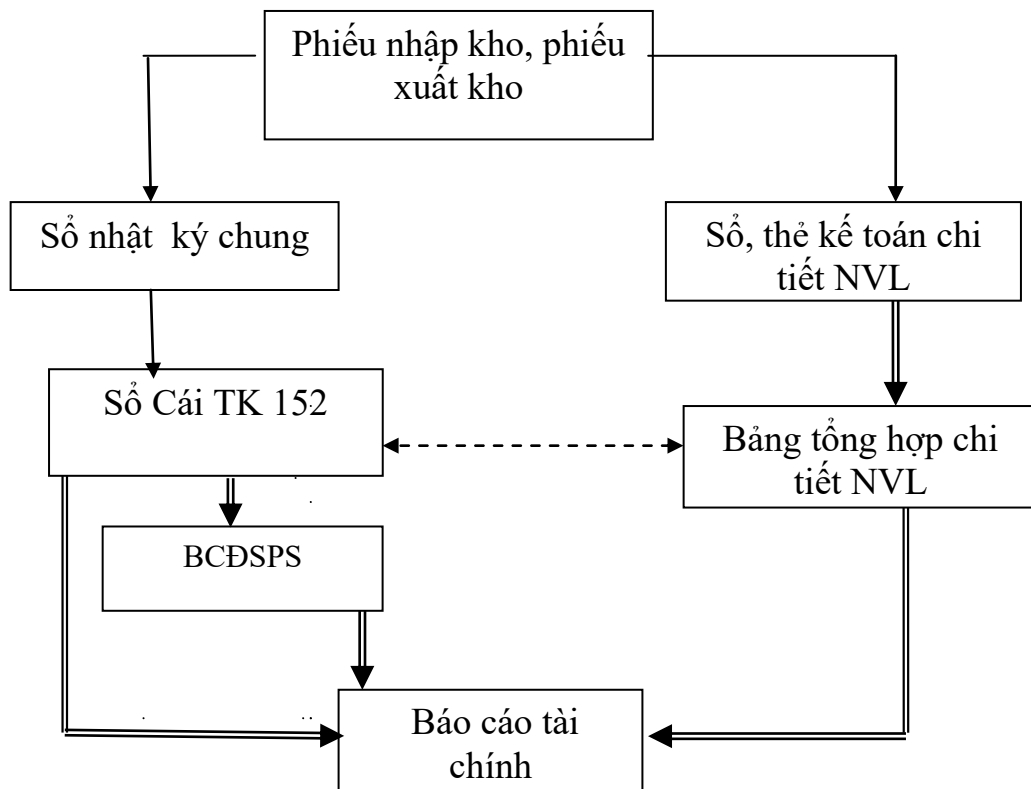
Đặc trưng cơ bản: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh đều được ghi vào sổ nhật ký mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế(định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên sổ Nhật ký chung để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung bao gồm các loại sổ chủ yếu sau:

Sổ Nhật ký chung, Sổ Cái

Các sổ thẻ kế toán chi tiết, tổng hợp....

Sơ đồ 1.4: Sơ đồ kế toán theo hình thức nhật ký chung



Ghi chú

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ⇒

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ←---→

1.4.2. Hình thức Nhật ký - sổ cái

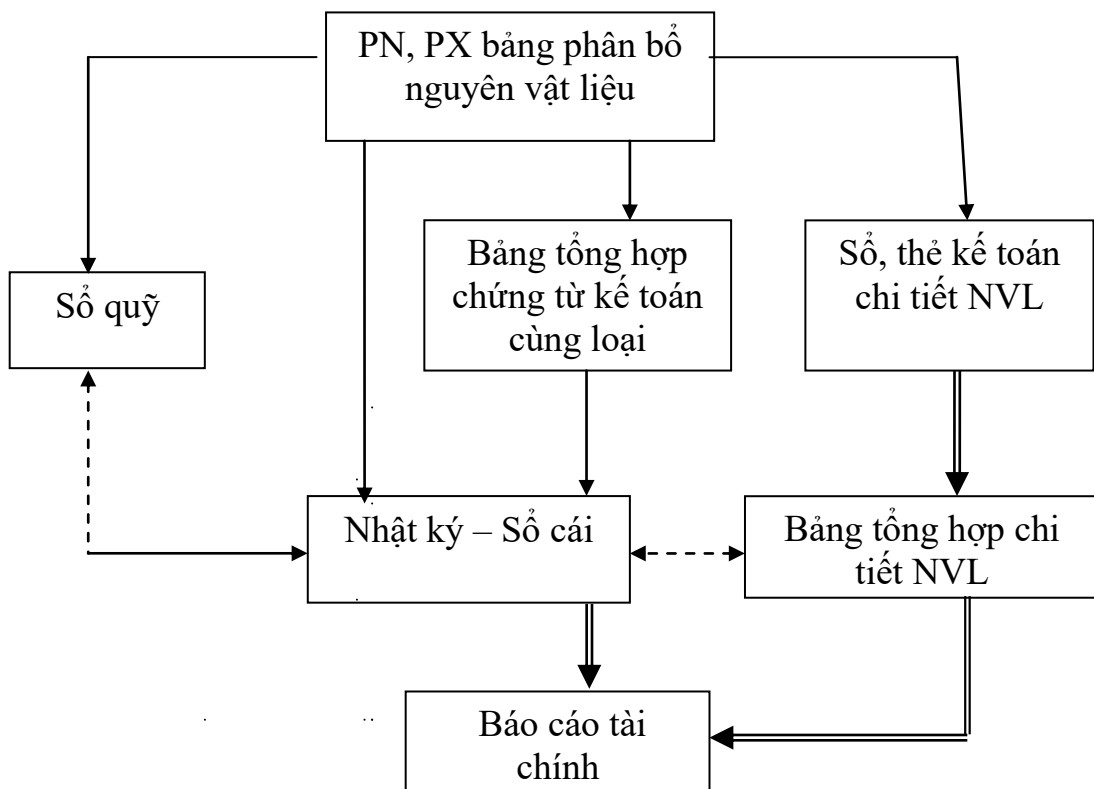
Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký – Sổ Cái: các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật Ký – Sổ Cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký – Sổ Cái là các chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức sổ Nhật ký – Sổ Cái gồm có các loại sổ như sau:

Nhật ký – Sổ Cái.

Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Sơ đồ 1.5: Sơ đồ kế toán theo hình thức nhật ký – sổ cái



Ghi chú

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ⇒

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ←---→

1.4.3. Hình thức Chứng từ ghi sổ

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán chứng từ ghi sổ: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là : “ Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

Ghi theo trình tự thời gian trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.

Ghi theo nội dung kinh tế trên sổ Cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm(theo số thứ tự trong sổ đăng ký chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

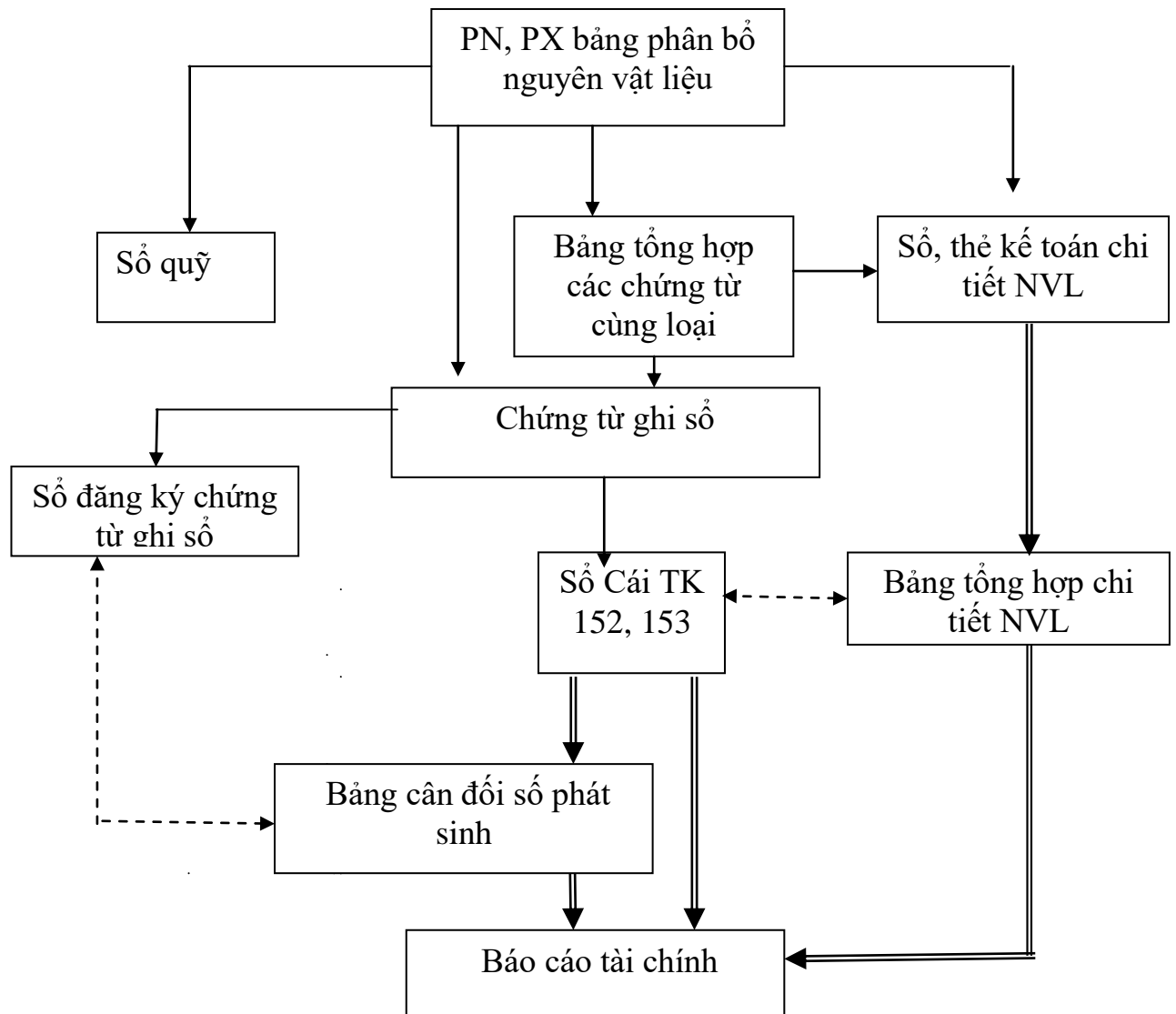
Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán như sau:

Chứng từ ghi sổ

Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.

Sổ Cái

Sơ đồ 1.6: Sơ đồ kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ



Ghi chú: Ghi hàng ngày —>
 Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ==>
 Quan hệ đối chiếu, kiểm tra <--->

1.4.4 Hình thức Nhật ký chứng từ

Đặc điểm cơ bản của hình thức nhật ký chứng từ

Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên có của tài khoản kết hợp với phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.

Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế(theo tài khoản).

Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán nhật ký - Chứng từ gồm có các loại sổ kế toán sau:

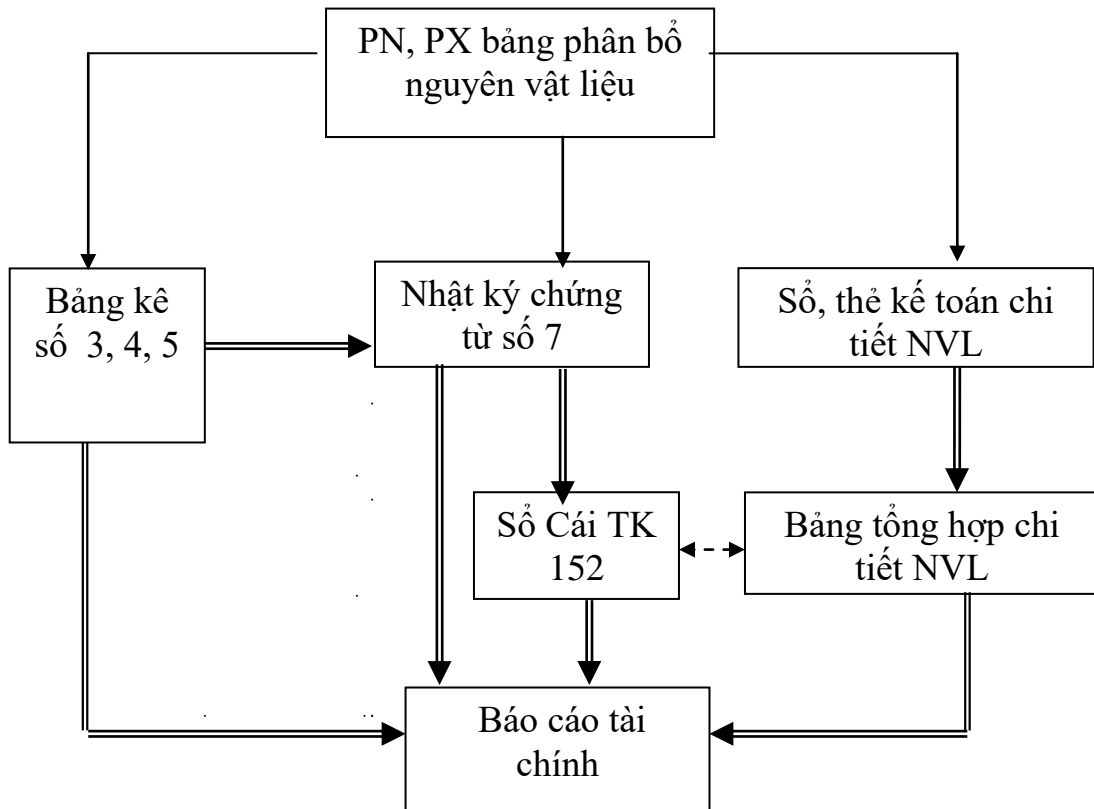
Sổ Nhật ký chứng từ

Bảng kê

Sổ Cái

Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết.

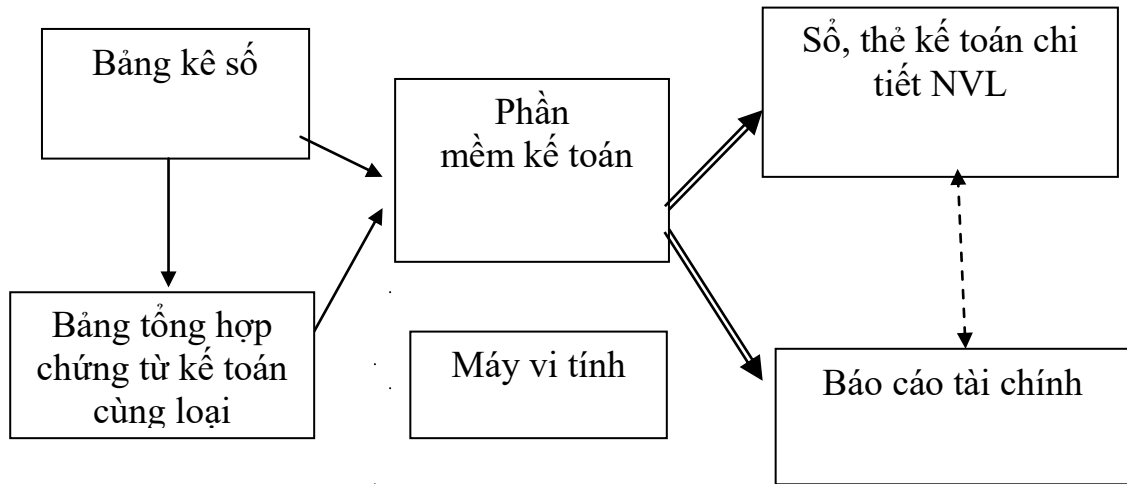
Sơ đồ 1.7: Sơ đồ kế toán theo hình thức nhật ký chứng từ



1.4.5 Hình thức kế toán máy

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán máy là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết lập dựa trên một trong bốn hình thức kế toán. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải được in đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Sơ đồ 1.8: Sơ đồ kế toán theo hình thức kế toán máy



Ghi chú

- Ghi hàng ngày \longrightarrow
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ \Longrightarrow
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

CHƯƠNG 2:**THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THỌ****2.1 Tổng quan về Công ty Cổ phần Trường Thọ****2.1.1. Khái quát về Công ty Cổ phần Trường Thọ**

- ❖ Về mặt pháp lý, Công ty Cổ phần Trường Thọ được cấp giấy chứng nhận đầu tư số 463043000268 do Ban quản lý khu công nghiệp Việt Nam-Singapore cấp lần đầu ngày 30/07/2008.

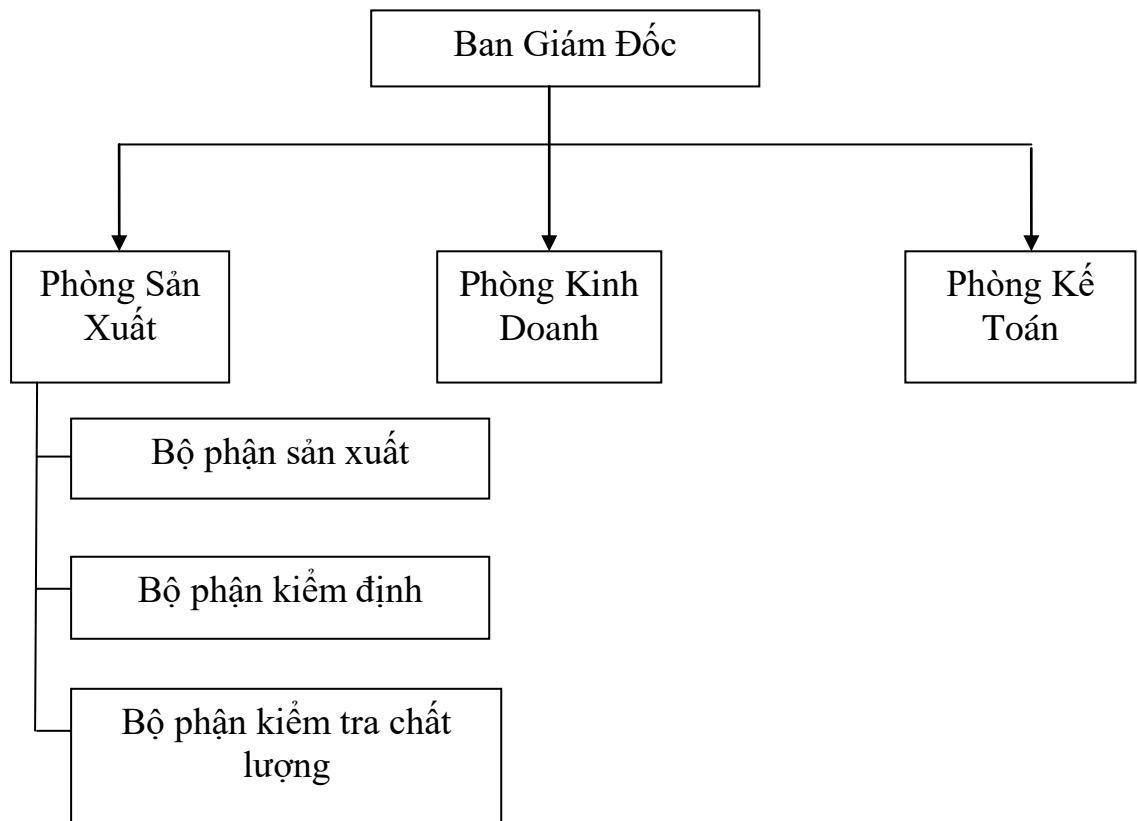
| | |
|------------------------|--|
| Tên doanh nghiệp | CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THỌ |
| Tên giao dịch | TRUONG THO Joint Stock Company |
| Tên viết tắt | TRUONG THO Joint Stock Company |
| Trụ sở chính | Khu công nghiệp Mỹ Đồng, thôn Phương Mỹ, xã Mỹ Đồng, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. |
| Điện thoại | 0313.874719 |
| Fax | 0313.874719 |
| Giấy phép thành lập số | 0200689179 |
| Tổng số nhân viên | 100 |
| Vốn điều lệ ban đầu | 10,000,000,000 |

Công ty Cổ phần Trường Thọ chuyên sản xuất các sản phẩm bằng nguyên liệu chính là gang như : trụ đèn công nghiệp, nắp hố ga, song chắn rác, phụ tùng linh kiện máy móc...

2.1.2 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của công ty:

- Công ty Cổ phần Trường Thọ có tổng cộng 100 thành viên
- Trong đó đội ngũ lãnh đạo gồm:
 - + Ban giám đốc: 02 người
 - + Cán bộ lãnh đạo phòng : 05 trưởng phòng. Qui mô tổ chức nhân sự và tổ chức kinh doanh như sau: đội ngũ cán bộ nhân viên có trình độ đại học chiếm tới 70% trong đó 80% đạt trình độ đại học và cử nhân kinh tế.
- Bộ máy quản lý của công ty được bố trí theo sơ đồ sau:

Sơ đồ 2.1 Sơ đồ bộ máy quản lý công ty



Như vậy ta thấy bộ máy của công ty gồm có ba phòng chức năng trong đó:

Ban giám đốc công ty: người lãnh đạo cao nhất, lập ra các định hướng phát triển cho công ty, đồng thời giám sát bộ máy quản lí, các hoạt động kinh doanh, chính sách nhân sự, tài chính, chất lượng.

Phòng sản xuất: tiến hành sản xuất, kiểm định, kiểm tra chất lượng trước khi hoàn tất sản phẩm

Phòng kinh doanh: có nhiệm vụ lập kế hoạch, tiếp thị, khai thác nguồn hàng, phụ trách công tác hợp đồng, tìm kiếm và thiết lập mối quan hệ với khách hàng

Phòng kế toán: Thực hiện giám sát các công việc về vấn đề tài chính trong công ty.

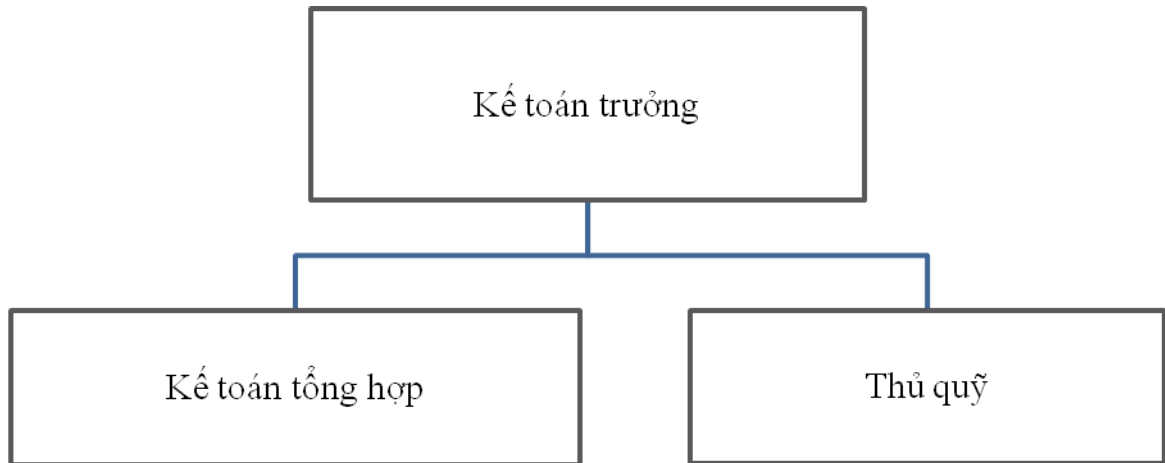
2.1.3. Khái quát tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty Cổ phần Trường Thọ

Nhiệm vụ phòng kế toán của công ty là phản ánh và đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ kịp thời, chính xác phục vụ cho công tác quản lí và chỉ đạo kinh doanh.

Đồng thời ghi chép sổ kế toán và trực tiếp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh của công ty. Nhờ đó công ty có thể phân tích, đánh giá, lựa chọn các phương án đầu tư sao cho có hiệu quả nhất.

Với nhiệm vụ như vậy bộ máy kế toán của công ty được tổ chức bố trí như sau:

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của công ty



Với sơ đồ như trên chức năng, nhiệm vụ của mỗi thành viên trong bộ phận kế toán như sau:

Kế toán trưởng: Là người tổ chức chỉ đạo toàn bộ công tác kế toán tổ chức kiểm tra công tác hạch toán kế toán ở văn phòng công ty, là trợ thủ cho giám đốc kinh doanh và chịu trách nhiệm trước giám đốc về mọi mặt tổ chức kế toán trong công ty.

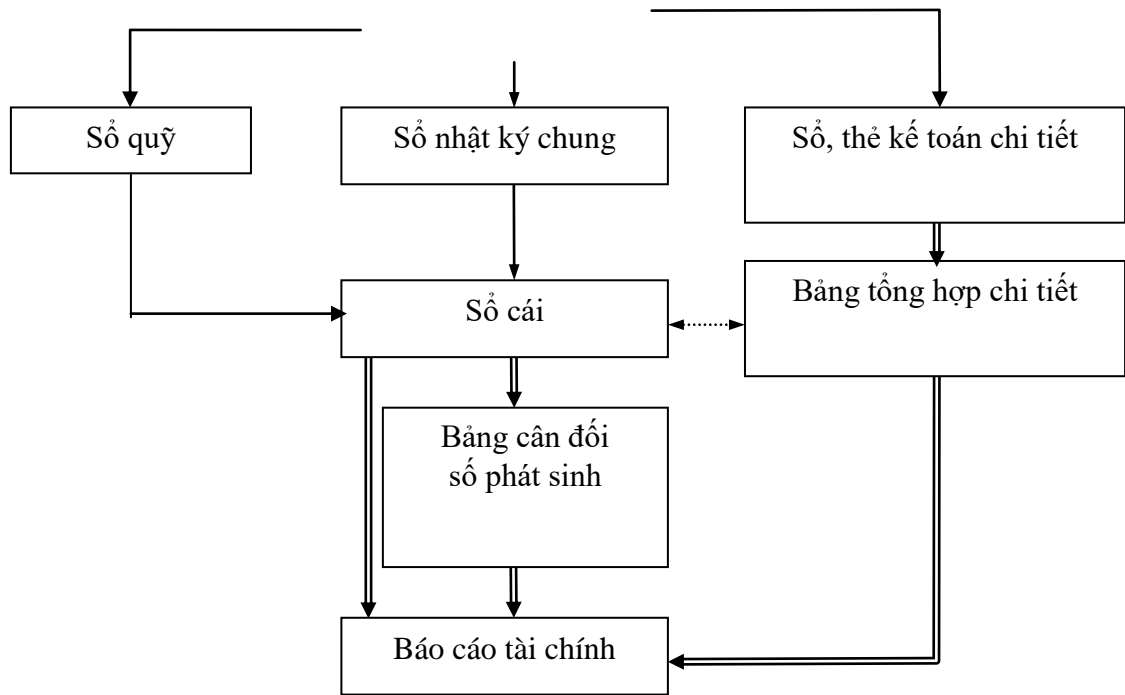
Kế toán tổng hợp: chịu trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu các tài liệu, số liệu do các bộ phận kế toán khác chuyển sang, từ đó lập các bút toán kết chuyển lúc cuối kì. Lập báo cáo tháng, quý, năm và lập báo cáo tài chính.

Thủ quỹ: Chịu trách nhiệm quản lý quỹ, thu chi tiền mặt hoặc các chứng khoán có giá trị. Kiểm kê, kiểm tra sổ quỹ tiền, quỹ tiền và phản ánh chính xác kịp thời đầy đủ số liệu hiện có, tình hình biến động vốn bằng tiền trong công ty.

2.1.4 Đặc điểm tổ chức bộ phận kế toán.

Quá trình hạch toán theo hình thức nhật ký chung được phản ánh qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 2.3 : Sơ đồ quy trình hạch toán tại Công ty Cổ Phần Trường Thọ



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày hoặc định kỳ
- ==> Ghi cuối tháng
- ←.....> Đối chiếu kiểm tra

Các chế độ và phương pháp kế toán áp dụng tại Công ty Cổ Phần Trường Thọ

- ❖ Các chứng từ, tài khoản, hệ thống báo cáo áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quy định tại thông tư 200/2014/ TT- BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.
- ❖ Kỳ kế toán: bắt đầu từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12 hàng năm.
- ❖ Đơn vị tiền tệ sử dụng: Đồng Việt Nam(VNĐ).
- ❖ Hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
- ❖ Khấu hao tài sản cố định theo đường thẳng.
- ❖ Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.
- ❖ Đánh giá nguyên vật liệu xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập.

2.2 Thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ Phần Trường Thọ

2.2.1 Đặc điểm, phân loại và đánh giá nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu sử dụng cho sản xuất các sản phẩm từ gang có vị trí rất quan trọng trong quá trình sản xuất của Công ty Cổ Phần Trường Thọ. Nhất là trong điều kiện hiện nay, yêu cầu của thị trường rất cao đối với chất lượng, mẫu mã, và giá thành hạ thì các doanh nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng mới đặt hàng.

Hầu hết các loại vật liệu đều sử dụng trực tiếp cấu thành nên thực thể sản phẩm. Chi phí nguyên vật liệu chiếm tỉ trọng lớn trong toàn bộ chi phí sản xuất. Qua đó thấy được vai trò quan trọng của NVL.

Do Công ty Cổ Phần Trường Thọ là công ty sản xuất nên nguyên vật liệu là một bộ phận quan trọng. Công ty phải lên kế hoạch dự trữ nguyên vật liệu một cách chu toàn để đảm bảo việc sản xuất liên tục tuy nhiên nguyên vật liệu của công ty đã phần là có sẵn trên thị trường nên doanh nghiệp không cần dự trữ quá nhiều tránh ứ đọng vốn.

❖ Đánh giá nguyên vật liệu.

Nguyên vật liệu tham gia vào giai đoạn đầu của quá trình sản xuất kinh doanh để hình thành nên sản phẩm mới. Chúng rất đa dạng, phong phú về chủng loại, phức tạp về kỹ thuật. Trong mỗi quá trình sản xuất vật liệu không ngừng chuyên hóa, biến đổi về mặt giá trị.

Về mặt hiện vật: nó chỉ tham gia vào 1 chu kỳ sản xuất và được tiêu dùng toàn bộ không giữ nguyên hình thái vật chất ban đầu.

Về mặt giá trị: giá trị của nó được chuyển dịch toàn bộ một lần vào giá trị sản phẩm mới tạo ra.

Nguyên vật liệu là những sản phẩm vật chất tồn tại được với nhiều trạng thái khác nhau, phức tạp về đặc tính lý, hóa nên dễ bị tác động bởi môi trường xung quanh. Đối với doanh nghiệp sản xuất thì nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng đáng kể trong số tổng tài sản lưu động và trong tổng số chi phí sản xuất để tạo ra sản phẩm.

Đánh giá nguyên vật liệu dùng thước đo tiền tệ.

Đánh giá nguyên vật liệu nhập kho:

Giá nhập kho = Trị giá mua hàng hoá + chi phí mua hàng (vận chuyển, bốc xếp...)

Giá nguyên vật liệu xuất dùng cho sản xuất được tính theo phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập.

Theo phương pháp này giá trị của từng nguyên vật liệu tính theo giá trị trung bình của từng nguyên vật liệu tồn đầu kỳ và nhập trong kỳ, giá thực tế nguyên vật liệu xuất kho trong kỳ được tính theo công thức như sau:

Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập

$$\text{Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập} = \frac{\text{Giá trị nguyên vật liệu tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

=> Trị giá thực tế NVL xuất kho = Đơn giá bình quân X Số lượng NVL xuất kho

2.2.2 Chứng từ sử dụng:

- Phiếu nhập kho, phiếu xuất kho
- Hóa đơn giá trị gia tăng, thẻ kho
- Phiếu thu, phiếu chi
- Biên bản kiểm hàng
- Giấy đề nghị thanh toán,
- Sổ chi tiết thanh toán với người bán.
- Sổ chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.
- Bảng tổng hợp nhập xuất tồn nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.
- Sổ nhật ký mua hàng.
- Sổ cái NVL

2.2.3. Tài khoản sử dụng

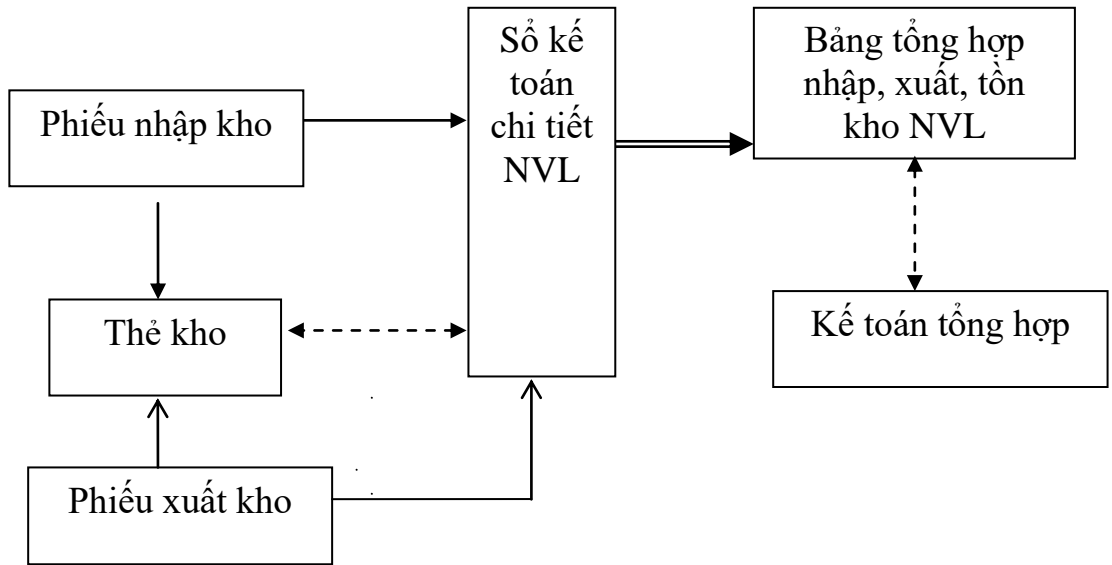
- TK 152: Nguyên liệu, vật liệu
- TK 151: Hàng mua đang đi đường.
- TK 111: Tiền mặt.
- Các Tài khoản khác có liên quan.

2.2.4. Quy trình ghi sổ

2.2.4.1. Kế toán chi tiết

Sơ đồ 2.4:

Trình tự ghi sổ kế toán chi tiết NVL theo phương pháp thẻ song song tại Công ty Cổ Phần Trường Thọ



Ghi chú

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ \Longrightarrow

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

❖ Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh

- Ngày 10/12/2015 nhập 8420 kg than

Đơn giá mua than là : 8000 vnd /1kg(chưa bao gồm VAT 10%). Đã thanh toán hết bằng tiền gửi ngân hàng.

Định khoản

Nợ TK 152 : 67.360.000

Nợ TK 133 : 6.736.000

Có TK112 : 74.096.000

- Ngày 11/12/2015 nhập 14650 kg củi

Đơn giá mua củi là 2000vnd/1kg (chưa bao gồm VAT 10%) đã thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng.

Định khoản

Nợ TK 152 : 29.300.000

Nợ TK 133 : 2.930.000

Có TK 112 : 34.230.000

Ghi sổ: Từ hóa đơn GTGT, phiếu nhập kho,kế toán ghi vào NKC, sổ cái TK 152 đồng thời ghi sổ chi tiết TK 152. Cuối tháng tập hợp ghi vào bảng tổng hợp 152

- Ngày 05/12/2015 xuất 53.730 kg gang thổi phục vụ sản xuất

Hàng tồn kho gang thổi: Số lượng: 104.145 kg trị giá 541.554.000 đồng.

Đơn giá xuất kho
ngày 05/12/15 = $\frac{541.554.000}{104.145} = 5.200$ (đồng)

Trị giá hàng xuất kho ngày 05/12/15 = 53.730 x 5.200 = 279.396.000 (đồng)

Nợ TK 621 : 279.396.000

Có TK 152: 279.396.000

Ghi sổ: Từ phiếu xuất kế toán ghi vào NKC, sổ cái TK 152

Đồng thời ghi sổ chi tiết TK 152.Cuối tháng tập hợp ghi vào bảng tổng hợp TK 152.

Biểu số 2.1: Hóa đơn GTGT

| HÓA ĐƠN (GTGT) | | | Mẫu số: 01GTKT 3/001 | | |
|--|-----------------------|-----------------|-----------------------------|-------------------|------------|
| Liên 2: Giao cho người mua | | | Ký hiệu: AA/15P | | |
| Ngày 10 tháng 12 năm 2015 | | | Số: 0000991 | | |
| Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Sáng Mỹ | | | | | |
| Mã số thuế : 0200415685 | | | | | |
| Địa chỉ: Vũ Xá, Ái Quốc, Hải Dương | | | | | |
| Điện thoại: 03203.731.772 | | | | | |
| Số tài khoản: 1020100002095 tại NH TMCP Công thương VN – CN Hải Dương | | | | | |
| Đơn vị mua hàng: Công ty Cổ phần Trường Thọ | | | | | |
| Mã số thuế : 0200689179 | | | | | |
| Địa chỉ: KCN Mỹ Đông, Thủy Nguyên, Hải Phòng | | | | | |
| Điện thoại: 0313.752.862 | | | | | |
| Hình thức thanh toán : CK | | | | | |
| ST T | Tên hàng hóa, dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
| A | B | C | 1 | 2 | 3= 1 x 2 |
| 1 | Than | Cái | 8420 | 8000 | 67.360.000 |
| Cộng tiền hàng: | | | | | 67.360.000 |
| Thuế suất GTGT: 10 % | | Tiền thuế GTGT: | | | 6.736.000 |
| Tổng cộng tiền thanh toán : | | | | | 74.096.000 |
| Số tiền viết bằng chữ: Bảy mươi tư triệu không trăm chín mươi sáu nghìn đồng chẵn | | | | | |
| Người mua hàng | | Người bán hàng | | Thủ trưởng đơn vị | |
| (Ký, họ tên) | | (Ký, họ tên) | | (Ký, họ tên) | |

Biểu số 2.2: Phiếu nhập kho

Mẫu số 01- VT

CÔNG TY CỔ PHẦN
TRƯỜNG THỌ

(Ban hành theo TT 200/2014/ TT- BTC ngày
22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính)

PHIẾU NHẬP KHO

Số : 910

Ngày 10 tháng 12 năm 2015

Họ tên người giao hàng : Trần Tuấn Kha

Địa chỉ: Công ty TNHH Sáng Mỹ

Theo hoá đơn GTGT số **0000991**

Nhập tại kho : Vật tư

| Stt | Tên vật tư | Mã số | Đơn vị tính | Số lượng | | Đơn giá | Thành tiền |
|-----|-------------|----------|-------------|----------|-----------|---------|-------------------|
| | | | | Theo CT | Thực nhập | | |
| 1 | Than | 39031900 | Kg | 8.420 | 8.420 | 8.000 | 67.360.000 |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | Cộng | | | | | | 67.360.000 |

Tổng số tiền (viết bằng chữ) : *Sáu mươi bảy triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn./.*

Nhập, ngày 10 tháng 12 năm 2015

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người mua hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.3: Hóa đơn GTGT

| HÓA ĐƠN (GTGT) | | | | Mẫu số: 01GTKT 3/001 | |
|--|-----------------------|-----------------|-------------|-----------------------------|------------|
| Liên 2: Giao cho người mua | | | | Ký hiệu: AA/15P | |
| Ngày 11 tháng 12 năm 2015 | | | | Số: 0000995 | |
| Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Sáng Mỹ | | | | | |
| Mã số thuế : 0200415685 | | | | | |
| Địa chỉ: Vũ Xá, Ái Quốc, Hải Dương | | | | | |
| Điện thoại: 03203.731.772 | | | | | |
| Số tài khoản: 1020100002095 tại NH TMCP Công thương VN – CN Hải Dương | | | | | |
| Đơn vị mua hàng: Công ty Cổ phần Trường Thọ | | | | | |
| Mã số thuế : 0200689179 | | | | | |
| Địa chỉ: KCN Mỹ Đồng, Thủy Nguyên, Hải Phòng | | | | | |
| Điện thoại: 0313.752.862 | | | | | |
| Hình thức thanh toán : CK | | | | | |
| ST T | Tên hàng hóa, dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
| A | B | C | 1 | 2 | 3= 1 x 2 |
| 1 | Củ | kg | 14.650 | 2.000 | 29.300.000 |
| Cộng tiền hàng: | | | | | 29.300.000 |
| Thuế suất GTGT: 10 % | | Tiền thuế GTGT: | | | 2.930.000 |
| Tổng cộng tiền thanh toán : | | | | | 32.230.000 |
| Số tiền viết bằng chữ: Ba mươi hai triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng chẵn ./. | | | | | |
| Người mua hàng | | Người bán hàng | | Thủ trưởng đơn vị | |
| (Ký, họ tên) | | (Ký, họ tên) | | (Ký, họ tên) | |

Biểu số 2.4: Phiếu nhập kho

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TRƯỜNG THỌ**

Mẫu số 01- VT
(Ban hành theo TT 200/2014/ TT- BTC ngày
22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính)

PHIẾU NHẬP KHO

Số : 914

Ngày 11 tháng 12 năm 2015

Họ tên người giao hàng :Trần Tuấn Kha

Địa chỉ: Công ty TNHH Sáng Mỹ

Theo hoá đơn GTGT số **0000995**

Nhập tại kho : Vật tư

| Stt | Tên vật tư | Mã số | Đơn vị tính | Số lượng | | Đơn giá | Thành tiền |
|-----|-------------|----------|-------------|----------|-----------|---------|-------------------|
| | | | | Theo CT | Thực nhập | | |
| 1 | Củi | 298cb236 | Kg | 14.650 | 14.650 | 2.000 | 29.300.000 |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | Cộng | | | | | | 29.300.000 |

Tổng số tiền (viết bằng chữ) : Hai mươi chín triệu ba trăm nghìn đồng chẵn ./.

Nhập, ngày 11 tháng 12 năm 2015

Người lập phiếu Người mua hàng Thủ kho Kế toán trưởng Giám đốc
 (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

Biểu số 2.5: Phiếu xuất kho

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TRƯỜNG THỌ**

Mẫu số 02 - VT

(Ban hành theo TT 200/2014/ TT- BTC ngày
22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính)

PHIẾU XUẤT KHO

Số: 913

Ngày 05 tháng 12 năm 2015

Nợ: 621

Có: 152

- Họ và tên người nhận hàng: Phạm Văn Hiệp Địa chỉ (bộ phận):.....
- Lý do xuất kho: Xuất phục vụ sản xuất
- Xuất tại kho (ngăn lô): Công ty

| ST T | Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá | Mã số | Đơn vị tính | Số lượng | | Đơn giá | Thành tiền |
|---------|--|----------|-------------------|------------|--------------|------------|--------------------|
| | | | | Yêu cầu | Thực xuất | | |
| A | B | C | D | 1 | 2 | 3 | 4 |
| 1 | Gang thổi | | Kg | 53.730 | 53730 | 5.200 | 279.396.000 |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | Cộng | | | | | | 279.396.000 |

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Hai trăm bảy mươi chín triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn đồng

Xuất, Ngày 05 tháng 12 năm 2015

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.6: Thẻ kho

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TRƯỜNG THỌ**

Mẫu số S12 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

THẺ KHO

Đối tượng: Than

Tháng 12/2015

ĐVT: kg

| Chứng từ | | Diễn giải | Số lượng | | |
|----------|------------|--------------------|---------------|---------------|---------------------|
| SH | Ngày tháng | | Nhập | Xuất | Tồn |
| C | D | E | 1 | 2 | 3 |
| | | SDDK | | | <u>5.560</u> |
| | | SPS | | | |
| | | | | | |
| PN 910 | 10/12 | Nhập kho NVL | 8.420 | | 15.280 |
| | | | | | |
| | | Cộng | 54.148 | 53.168 | |
| | | Tồn cuối kỳ | | | <u>6.540</u> |

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.7: Thẻ kho

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TRƯỜNG THỌ**

Mẫu số S12 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

THẺ KHO
Đối tượng: Củ
Tháng 12/2015

ĐVT: kg

| Chứng từ | | Diễn giải | Số lượng | | |
|----------|------------|--------------------|---------------|---------------|---------------------|
| SH | Ngày tháng | | Nhập | Xuất | Tồn |
| C | D | E | 1 | 2 | 3 |
| | | SDDK | | | <u>6.754</u> |
| | | SPS | | | |
| | | | | | |
| PN 914 | 11/12 | Nhập kho NVL | 14.650 | | 20.045 |
| | | | | | |
| | | Cộng | 28.547 | 27.845 | |
| | | Tồn cuối kỳ | | | <u>7.456</u> |

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.8: Thẻ kho

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TRƯỜNG THỌ**

Mẫu số S12 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

THẺ KHO

Đối tượng: Gang thỏi

Tháng 12/2015

ĐVT: kg

| Chứng từ | | Diễn giải | Số lượng | | |
|----------|------------|--------------------|----------------|----------------|-----------------------|
| SH | Ngày tháng | | Nhập | Xuất | Tồn |
| C | D | E | 1 | 2 | 3 |
| | | SDDK | | | <u>104.145</u> |
| | | SPS | | | |
| PN 913 | 05/12 | Xuất kho NVL | | 53.730 | 50.415 |
| | | | | | |
| | | Cộng | 145.751 | 160.875 | |
| | | Tồn cuối kỳ | | | <u>89.021</u> |

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.9: Sổ chi tiết NVL

Mẫu số S11-DN

CÔNG TY CỔ PHẦN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

TRƯỜNG THỌ

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU

Tài khoản 152(Than)

Tháng 12/2015

| Chứng từ | | Diễn giải | TK đối ứng | Đơn giá | Nhập | | Xuất | | Tồn | |
|-----------|----------|---------------------------------|------------------|---------------------|---------------|--------------------|---------------|--------------------|---------------------|--------------------------|
| Số | Ngày | | | | Số lượng | Thành tiền | Số lượng | Thành tiền | Số lượng | Thành tiền |
| | | Tồn đầu kỳ | | <u>9.000</u> | | | | | <u>5.560</u> | <u>50.040.000</u> |
| ... | ... | ... | | | | ... | | ... | | ... |
| PN 910 | 10/12/15 | Nhập kho NVL – Cty TNHH Sáng Mỹ | 112 | 8.000 | 8.420 | 67.360.000 | | | 15.280 | 126.060.000 |
| ... | ... | ... | | | | ... | | ... | | ... |
| | | Cộng số phát sinh | | | 54.148 | 444.013.600 | 53.168 | 438.463.600 | | |
| | | Tồn cuối kỳ | | <u>8.500</u> | | | | | <u>6.540</u> | <u>55.590.000</u> |

Người lập biểu
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

Biểu số 2.10: Sổ chi tiết NVL

Mẫu số S11-DN

CÔNG TY CỔ PHẦN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

TRƯỜNG THỌ

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU

Tài khoản 152(Cũ)

Tháng 12/2015

| Chứng từ | | Diễn giải | TK đối ứng | Đơn giá | Nhập | | Xuất | | Tồn | |
|-----------|----------|--|------------------|---------------------|---------------|-------------------|---------------|-------------------|---------------------|--------------------------|
| Số | Ngày | | | | Số lượng | Thành tiền | Số lượng | Thành tiền | Số lượng | Thành tiền |
| | | Tồn đầu kỳ | | <u>2.000</u> | | | | | <u>6.754</u> | <u>13.508.000</u> |
| ... | ... | ... | | | ... | | ... | | | ... |
| PN 914 | 11/12/15 | Nhập kho NVL – Công ty TNHH Sáng Mỹ | 112 | 2.000 | 14.650 | 29.300.000 | | | 20.045 | 40.090.000 |
| ... | ... | ... | | | | ... | | ... | | ... |
| | | Cộng tháng | | | 28.547 | 57.094.000 | 27.845 | 55.690.000 | | |
| | | Tồn cuối kỳ | | <u>2.000</u> | | | | | <u>7.456</u> | <u>14.912.000</u> |

Người lập biểu
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

Biểu số 2.11: Sổ chi tiết NVL

Mẫu số S11-DN

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TRƯỜNG THỌ**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU

Tài khoản 152(gang thỏi)

Tháng 12/2015

| Chứng từ | | Diễn giải | TK đối ứng | Đơn giá | Nhập | | Xuất | | Tồn | |
|-----------|----------|--------------------|------------------|---------------------|----------------|--------------------|----------------|--------------------|-----------------------|---------------------------|
| Số | Ngày | | | | Số lượng | Thành tiền | Số lượng | Thành tiền | Số lượng | Thành tiền |
| | | Tồn đầu kỳ | | <u>5.200</u> | | | | | <u>104.145</u> | <u>541.554.000</u> |
| PX 913 | 05/12/15 | Xuất kho NVL | 621 | 5.200 | | | 53.730 | 279.396.000 | 50.415 | 262.158.000 |
| ... | ... | ... | | | | | | | | |
| | | Cộng tháng | | | 145.751 | 757.905.200 | 160.875 | 836.550.000 | | |
| | | Tồn cuối kỳ | | <u>5.200</u> | | | | | <u>89.021</u> | <u>462.909.200</u> |

Người lập biểu
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

Biểu số 2.12: Bảng tổng hợp chi tiết NVL

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TRƯỜNG THỌ**

Mẫu số S11-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT NHẬP - XUẤT - TỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

TÀI KHOẢN: 152

Tháng 12 năm 2015

| ST T | Tên vật tư | Tồn đầu tháng | | Nhập trong tháng | | Xuất trong tháng | | Tồn cuối tháng | |
|---------|-------------|---------------|----------------------|------------------|----------------------|------------------|----------------------|----------------|----------------------|
| | | SL | TT | S.L | TT | SL | TT | SL | TT |
| 1 | Than | 5.560 | 50.040.000 | 54.148 | 444.013.600 | 53.168 | 438.463.600 | 6.540 | 55.590.000 |
| 2 | Củi | 6.754 | 13.508.000 | 28.547 | 57.094.000 | 27.845 | 55.690.000 | 7.456 | 14.912.000 |
| 3 | Gang thổi | 104.145 | 541.554.000 | 145.751 | 757.905.200 | 160.875 | 836.550.000 | 89.021 | 462.909.200 |
| | | | | | | | | | |
| | Cộng | | 3.526.452.300 | | 3.482.970.183 | | 1.456.321.120 | | 5.553.101.363 |

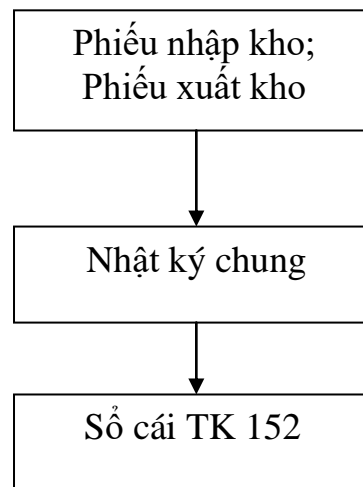
Người lập biểu
(ký, họ tên)

Kê toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

2.2.4.2: Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu.

Sơ đồ 2.5: Trình tự kế toán tổng hợp NVL



Biểu số 2.13: Sổ nhật ký chung

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TRƯỜNG THỌ**

Mẫu số: S03a-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2015

| Ngày, tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | Đã ghi Sổ Cái | Số hiệu tài khoản | Số phát sinh | |
|--------------------------|---------------|----------------|--|------------------------|----------------------------|-------------------------|-----------------------|
| | Số hiệu | Ngày, Tháng | | | | Nợ | Có |
| A | B | C | D | E | G | 1 | 2 |
| | | | | | | | |
| 05/12/15 | PX 913 | 05/12/15 | Xuất kho gang thỏi phục vụ sản xuất | x | 621 152 | 279.396.000 | 279.396.000 |
| | | | | | | | |
| 10/12/15 | HD 0000991 | 10/12/15 | Mua than – Công ty TNHH Sáng Mỹ | x | 152 133 112 | 67.360.000 6.736.000 | 71.096.000 |
| | | | | | | | |
| 11/12/15 | HD 0000995 | 11/12/15 | Mua củi – Công ty TNHH Sáng Mỹ | x | 152 133 112 | 29.300.000 2.930.000 | 34.230.000 |
| | | | | | | | |
| | | | Cộng: | | | 32.934.158.265 | 32.934.158.265 |

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập biểu
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Biểu số 2.14: Sổ cái 152

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TRƯỜNG THỌ**

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

Tên TK: Nguyên vật liệu

Số hiệu: 152

Tháng 12 Năm 2015

(Đơn vị tính: VNĐ)

| Ngày, tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | SH TK ĐƯ | Số tiền | |
|--------------------|----------------|-------------|---------------------------------|----------|----------------------|----------------------|
| | Số hiệu | Ngày, Tháng | | | Nợ | Có |
| A | B | C | D | H | 1 | 2 |
| | | | Dư đầu kỳ | | 3.526.452.300 | |
| 05/12 | PX913 | 05/12 | Xuất gang thổi phục vụ sản xuất | 621 | | 279.396.000 |
| | | | | | | |
| 10/12 | HĐ991 PN910 | 10/12 | Mua than – Công ty TNHH Sáng Mỹ | 112 | 67.360.000 | |
| | | | | | | |
| 11/12 | HĐ995 PN914 | 11/12 | Mua củi – Công ty TNHH Sáng Mỹ | 112 | 29.300.000 | |
| | | | | | | |
| | | | Cộng phát sinh | | 3.482.970.183 | 1.456.321.120 |
| | | | Dư cuối kỳ | | 5.553.101.363 | |

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập biểu
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

CHƯƠNG 3:

MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THỌ

3.1. Đánh giá chung về công tác tổ chức kế toán và kế toán nguyên vật liệu tại công ty Cổ Phần Trường Thọ

3.1.1. Những ưu điểm

Sau thời gian thực tập tại công ty Cổ Phần Trường Thọ, em đã tìm hiểu công tác hạch toán kế toán ở công ty và đi sâu vào nghiên cứu công tác hạch toán kế toán nguyên vật liệu. Em thấy rằng công ty đã phát huy được nhiều mặt mạnh mẽ và thể hiện được những ưu điểm sau:

❖ Về tổ chức bộ máy kế toán xí nghiệp

Hiện nay Công ty Cổ Phần Trường Thọ áp dụng hình thức kế toán tập trung. Sự thống nhất trong tổ chức bộ máy kế toán giúp cho kế toán trưởng của công ty nắm bắt được công việc của kế toán viên một cách kịp thời. Hệ thống kế toán được tổ chức tương đối gọn nhẹ và hoàn chỉnh, công tác kế toán được chuyên môn hóa cao. Các phần hành kế toán được phân công rõ ràng cho từng kế toán viên và có sự kết hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các phần hành kế toán với nhau đảm bảo tính thống nhất về phạm vi và phương pháp ghi chép. Do đó sổ sách kế toán dễ kiểm tra, đối chiếu và kịp thời phát hiện sai sót sửa chữa. Đội ngũ kế toán viên năng động, sáng tạo, có kinh nghiệm. Đây là một lợi thế của công ty nhằm nâng cao hiệu quả công tác kế toán và công tác quản lý.

❖ Về tổ chức chứng từ, tài khoản sử dụng, sổ sách kế toán áp dụng.

Hệ thống chứng từ

Chứng từ được tổ chức hợp lệ, đầy đủ theo chế độ của Bộ Tài Chính ban hành. Công tác tập hợp chứng từ nhanh chóng, dễ dàng, việc quản lý chứng từ rất chặt chẽ giúp cho lãnh đạo xí nghiệp quản lý tình hình tài chính, trách nhiệm của từng các nhân trong từng khâu luân chuyển chứng từ được rõ ràng cụ thể, thuận tiện cho việc ghi sổ kế toán.

Tài khoản sử dụng:

Hệ thống tài khoản của công ty phù hợp với quy định của Bộ Tài Chính ban hành. Đồng thời công ty cũng cập nhật và vận dụng kịp thời những thay đổi trong hệ thống tài khoản theo các thông tư hướng dẫn của Bộ Tài Chính.

Sổ sách kế toán

Các loại sổ được áp dụng theo mẫu chung tạo thành sự thống nhất trong sổ kế toán. Số liệu phản ánh trong các sổ kế toán được chứng minh bằng hệ thống chứng từ hợp pháp, hợp lệ theo nguyên tắc khách quan.

Về tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu

Quá trình thu mua và sử dụng nguyên vật liệu tại công ty được thực hiện khá chặt chẽ bắt đầu từ khâu lập kế hoạch cho tới thu mua, nhập kho và xuất sử dụng. Định kỳ hàng năm vào ngày 30/06 và ngày 31/12, Công ty sẽ thực hiện việc kiểm kê vật tư hoặc đột xuất kiểm tra theo yêu cầu quản lý. Khi phát hiện có chênh lệch sai sót sẽ đề ra hướng giải quyết khắc phục.

3.1.2. Những hạn chế

Ngoài những ưu điểm trên, bộ máy kế toán công ty còn gặp một số vấn đề sau:

Theo định kỳ 6 tháng 1 lần công ty sẽ tổ chức kiểm kê vật tư tại kho. Nhưng trong thời gian dài như vậy có thể xảy ra các trường hợp sai sót gian lận vì chủng loại nhiều khó bảo quản nên gây khó khăn trong việc quản lý.

Hiện nay tốc độ phát triển của công ty khá nhanh, nghiệp vụ phát sinh nhiều, số lượng sản phẩm sản xuất ra nhiều với chủng loại ngày càng đa dạng, số lượng khách hàng và nhà cung cấp ngày càng tăng lên, các chi phí phát sinh cũng phức tạp hơn nên dễ dẫn tới thiếu sót.

3.2. Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ Phần Trường Thọ

3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức kế toán nguyên vật liệu:

Trải qua quá trình phát triển và đổi mới sâu sắc theo cơ chế thị trường hơn thập kỷ qua, kế toán việt nam đã không ngừng hoàn thiện và phát triển góp phần tích cực vào việc tăng cường và nâng cao hiệu quả quản lý kinh tế tài chính. Trong đó hạch toán kế toán góp phần tích cực vào việc nâng cao chất lượng quản lý tài chính quốc gia và quản trị doanh nghiệp.

Việc hoàn thiện tổ chức hạch toán kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ sẽ giúp cho doanh nghiệp tiết kiệm được chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao lợi nhuận. Cũng như nhiều doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất bao bì với đặc điểm chi phí NVL chiếm một tỉ trọng lớn trong tổng chi phí cũng như giá

thành sản phẩm. Vì vậy mà việc nghiên cứu, đưa ra các biện pháp để hoàn thiện công tác kế toán NVL là việc vô cùng cần thiết và việc hoàn thiện này phải tuân theo những yêu cầu sau:

Hoàn thiện công tác kế toán trước hết phải phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hệ thống kế toán ban hành bắt buộc các doanh nghiệp phải áp dụng, nhưng được quyền vận dụng trong một phạm vi nhất định phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp để mang lại hiệu quả cao nhất.

Các biện pháp hoàn thiện phải được xây dựng trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, tôn trọng chế độ kế toán hiện hành. Tổ chức công tác kế toán ở các đơn vị kinh tế được phép vận dụng và cải tiến phù hợp với tình hình quản lý tại doanh nghiệp mình, không bắt buộc phải dập khuôn theo chế độ nhưng trong khuôn khổ nhất định vẫn phải tôn trọng chế độ hiện hành về quản lý tài chính của nhà nước.

Kế toán là khoa học thu nhận, xử lý thông tin phục vụ cho yêu cầu quản lý của các nhà quản trị doanh nghiệp. Do vậy, thông tin kế toán đưa ra phải chính xác, kịp thời phù hợp với yêu cầu, giúp cho các nhà quản trị đưa ra các quyết định đúng đắn, đạt kết quả tối ưu, đây là yêu cầu không thể thiếu trong công tác kế toán.

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán phải đảm bảo hài hòa mối quan hệ giữa chi phí và lợi nhuận đạt được mục tiêu tối thiểu hóa chi phí, tối đa hóa lợi nhuận.

3.2.2 Một số biện pháp đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty.

Qua thời gian thực tập tại công ty, tìm hiểu quá trình hình thành và phát triển của công ty cũng như tổ chức công tác kế toán NVL tại công ty. Dưới đây là một số biện pháp em xin đề xuất:

❖ Đánh danh mục vật tư cho từng loại nguyên vật liệu nhằm xác định chính xác chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

Do đặc thù của công ty sản xuất, công ty có rất nhiều nguyên vật liệu sử dụng để tạo ra sản phẩm cuối cùng như: giấy kraft, giấy duplex, carton sóng.....

⇒ Doanh nghiệp nên đánh danh mục cho từng loại nguyên vật liệu để theo dõi chi tiết cho từng loại nguyên vật liệu đó.

Ví dụ: Với nhóm nguyên vật liệu chính - công ty nên sử dụng TK1521 theo dõi

- Gang thổi - TK 15211.
- Gang trắng - TK 15212.
- Gang xám - TK 15213.
-

Với nhóm nguyên vật liệu phụ - công ty nên sử dụng TK 1522 theo dõi

- Than – TK 15221
- Cùi - TK 15222.
-

Từ việc đánh danh mục vật tư cho từng loại nguyên vật liệu công ty nên sử dụng thêm tài khoản cấp 2 của TK 621 để theo dõi chi tiết cho chi phí nguyên vật liệu trực tiếp chính hoặc phụ .

- Việc đánh danh mục vật tư này được sử dụng từ khi phát sinh chứng từ kế toán cho đến khâu ghi sổ sách kế toán.

Ví dụ: với phiếu xuất kho và nhập kho như ví dụ chương 2 kế toán có thể mở chi tiết như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THỌ

Mẫu số 02 - VT

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 05 tháng 12 năm 2015

Số: 913

Nợ: 6211

Có: 15211

- Họ và tên người nhận hàng: Phạm Văn Hiệp

Địa chỉ (bộ phận):.....

- Lý do xuất kho: Xuất phục vụ sản xuất

- Xuất tại kho (ngăn lô): Công ty

| STT | Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá | Mã số | Đơn vị tính | Số lượng | | Đơn giá | Thành tiền |
|-----|---|-------|-------------|--------------|--------------|---------|-------------------|
| | | | | Yêu cầu | Thực xuất | | |
| A | B | C | D | 1 | 2 | 3 | 4 |
| 1 | Than | | Kg | 5.560 | 5.560 | 9.000 | 50.040.000 |
| | | | Kg | 640 | 640 | 8.500 | 5.440.000 |
| | Cộng | | | 6.200 | 6.200 | | 55.480.000 |

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Năm mươi lăm triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng chẵn.

Xuất, Ngày 05 tháng 12 năm 2015

Người lập phiếu

Người nhận hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG THỌ

Mẫu số 01- VT

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

PHIẾU NHẬP KHO

Số :910

Ngày 10 tháng 12 năm 2015

Nợ TK 152 21:

Có TK 331:

Họ tên người giao hàng :Trần Tuấn Kha

Theo hoá đơn GTGT số 0025632

Nhập tại kho : Vật tư

| Stt | Tên vật tư | Đơn vị tính | Số lượng | | Đơn giá | Thành tiền |
|-----|-------------|-------------|---------------|-----------|---------|-------------------|
| | | | Theo chứng từ | Thực nhập | | |
| 1 | Than | Kg | 8.420 | 8.420 | 8.000 | 67.360.000 |
| | Cộng | | | | | 67.360.000 |

Tổng số tiền (viết bằng chữ) : Sáu mươi bảy triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn.

Nhập, ngày 10 tháng 12 năm 2015

| | | | | |
|------------------------|-----------------------|----------------|-----------------------|-----------------|
| Người lập phiếu | Người mua hàng | Thủ kho | Kế toán trưởng | Giám đốc |
| (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) |

❖ Hoàn thiện việc sử dụng tài khoản 151 "Hàng mua đang đi đường"

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá của các loại hàng hoá, vật tư (Nguyên liệu, vật liệu; công cụ, dụng cụ; hàng hoá) mua ngoài đã thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp còn đang trên đường vận chuyển, ở bến cảng, bến bãi hoặc đã về đến doanh nghiệp nhưng đang chờ kiểm nhận nhập kho.

Tại Công ty CP Trường Thọ, các loại vật tư, hàng hóa không trực tiếp mua và nhập trên địa bàn Hải Phòng được mà phải nhập từ các nơi khác về nên việc mua hàng xong và vận chuyển về đến kho của công ty cũng cần thời gian. Nhưng công ty không hạch toán các loại vật tư, hàng hóa này vào TK 151 " Hàng mua đang đi đường" nên theo em công ty nên mở thêm TK 151 để theo dõi hàng mua đang đi trên đường theo từng chủng loại hàng hoá, vật tư, từng lô hàng, từng hợp đồng kinh tế.

Kết cấu TK 151:

Bên Nợ:

Trị giá hàng hoá, vật tư đã mua đang đi đường;

Kết chuyển trị giá thực tế của hàng hoá, vật tư mua đang đi đường cuối kỳ (Trường hợp doanh nghiệp hạch toán hàng hoá tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

Bên Có:

Trị giá hàng hoá, vật tư đã mua đang đi đường đã về nhập kho hoặc đã chuyển giao thẳng cho khách hàng;

Kết chuyển trị giá thực tế của hàng hoá, vật tư đã mua đang đi đường đầu kỳ (Trường hợp doanh nghiệp hạch toán hàng hoá tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

Số dư bên Nợ: Trị giá hàng hoá, vật tư đã mua nhưng còn đang đi đường (Chưa về nhập kho đơn vị).

❖ Hoàn thiện việc ứng dụng Công nghệ thông tin vào công tác kế toán

Hiện nay Công ty CP Trường Thọ đang thực hiện kế toán thủ công trên máy tính với excel. Việc này khá vất vả và tốn nhiều thời gian công sức của kế toán. Theo em, công ty nên cân nhắc đầu tư sử dụng phần mềm kế toán để hạch toán các nghiệp vụ kinh tế.

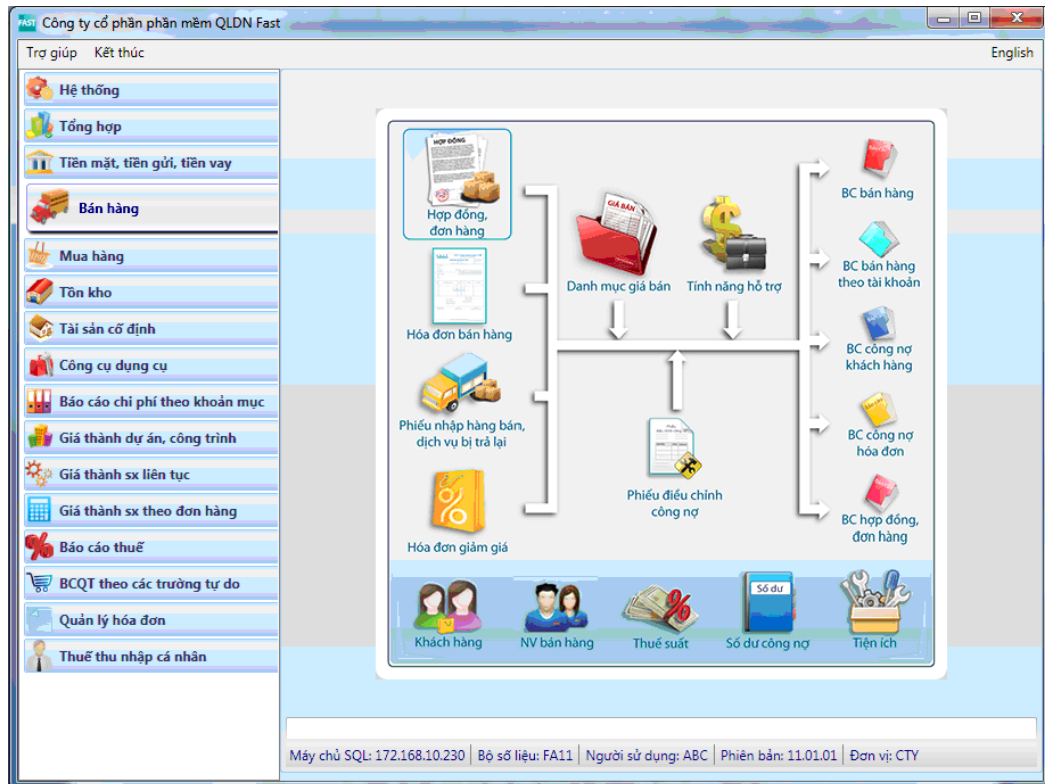
Nhằm: Giúp tăng hiệu quả công việc, tránh nhầm lẫn, giảm bớt khối lượng công việc cho kế toán, giảm chi phí cho việc thuê các kế toán giỏi, giàu kinh nghiệm, cập nhật các thông tư, quy định mới một cách nhanh chóng, chính xác hơn.

Có thể liên hệ trực tiếp với các công ty bán phần mềm kế toán để mua phần mềm, cử nhân viên đi học cách sử dụng phần mềm.

Công ty nên áp dụng phần mềm kế toán phù hợp với từng loại hình doanh nghiệp như MISA, FAST... Với hình thức nhật kí chung công ty nên sử dụng phần mềm kế toán MISA.



Hay sử dụng phần mềm kế toán FAST:



Cùng với sự phát triển như vũ bão của công nghệ thông tin như hiện nay. Việc áp dụng phần mềm kế toán vào hạch toán kế toán tại công ty là cần thiết đối với Công ty CP Trường Thọ là một công ty có khối lượng công việc kế toán tương đối nhiều. Áp dụng phần mềm kế toán tiết kiệm được thời gian và chi phí nhân viên kế toán, giúp cho công tác quản lý được nâng cao, công việc hạch toán kế toán của công ty không bị chậm trễ.

+ Theo như hiện nay thì mỗi kế toán đã được trang bị một máy tính riêng việc đưa phần mềm kế toán vào ứng dụng là hợp lý và thuận lợi, trình độ của kế toán trong ứng dụng tin học cao ít gặp trở ngại khi sử dụng phần mềm. Từ đó giúp giảm bớt khó khăn cho kế toán trong công việc kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa các sổ, giúp kế toán tính toán, tổng hợp số liệu, lập báo cáo nhanh chóng và có độ chính xác cao, giảm thiểu việc ghi chép thủ công và giúp lưu trữ, bảo quản dữ liệu, thông tin kế toán bảo mật và an toàn. Phần mềm kế toán được ứng dụng đảm bảo cho công tác hạch toán của Công ty sẽ mang lại hiệu quả cao và thiết thực đối với công ty.

Hoàn thiện về công tác luân chuyển chứng từ

Để việc luân chuyển chứng từ được diễn ra thường xuyên, liên tục đảm bảo việc cập nhật thông tin của kế toán, Công ty CP Trường Thọ cần tiến hành tổ chức lại khâu luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban, bộ phận trong đơn vị.

Cụ thể : công ty nên đề ra quy định về thời gian cho việc giao nhận chứng từ giữa phòng kinh doanh, phòng kế toán và thủ kho vào một ngày nào đó trong tuần. Đây là thời điểm thích hợp để các bộ phận có thể tập hợp các chứng từ phát sinh trong tuần để chuyển lên phòng kế toán. Việc giao nhận chứng từ diễn ra hàng tuần đều đặn cũng giúp cho các thông tin mà kế toán thu thập được thường xuyên, liên tục, không bị ứ đọng. Nếu xảy ra trường hợp chứng từ về muộn ảnh hưởng đến việc lập báo cáo kế toán sẽ bị xử lý theo đúng quy định của công ty.

Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ khi luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban, bộ phận. Mỗi khi luân chuyển chứng từ thì các bên giao và nhận chứng từ đều phải ký vào sổ. Nếu xảy ra mất mát chứng từ thì dễ dàng hơn cho việc quy trách nhiệm cho đúng người, đúng bộ phận để có biện pháp xử lý, việc làm này nhằm giúp quản lý chặt chẽ các chứng từ của công ty, hơn nữa cũng nâng cao tinh thần trách nhiệm cho cán bộ công nhân viên đối với việc quản lý chứng từ nói riêng và công việc của công ty nói chung. Phiếu giao nhận chứng từ có mẫu như biểu sau:

Biểu 3.1 : PHIẾU GIAO NHẬN CHỨNG TỪ

PHIẾU GIAO NHẬN CHỨNG TỪ

Từ ngày...đến ngày

| Loại hàng | Số lượng chứng từ | Số hiệu chứng từ | Số tiền |
|-----------|----------------------|------------------|---------|
| (1) | (2) | (3) | (4) |
| | | | |
| | | | |

Ngày...tháng...năm

Người nhận

Người giao

Ký và ghi rõ họ tên

Kí và ghi rõ họ tên

KẾT LUẬN

Kế toán nguyên vật liệu có vai trò vô cùng quan trọng trong các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp sản xuất nói riêng. Công việc này không mấy dễ dàng, nó phải có sự phối hợp giữa nhiều bộ phận như phòng kế toán, các phân xưởng và các phòng ban khác... Tầm quan trọng của kế toán thể hiện ở chỗ nó là một bộ phận không thể thiếu trong toàn bộ công tác kế toán, cung cấp kịp thời các thông tin cần thiết cho việc lập kế hoạch thu mua nguyên vật liệu. Như vậy, dù là công ty sản xuất, thương mại dịch vụ hay bất cứ loại hình công ty nào thì trong nền kinh tế thị trường chỉ tiêu được tất cả các công ty quan tâm hàng đầu đó là tiết kiệm chi phí, giảm giá thành và tăng lợi nhuận.

Đề tài: “ Một số biện pháp hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty CP Trường Thọ” đã đề cập tới những vấn đề lý luận cơ bản, tình hình thực tế và đề ra những phương pháp khắc phục nhằm hoàn thiện hơn công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty.

Về lí luận : Nêu lên những vấn đề cơ bản về kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

Về thực tiễn: Đã phản ánh tình hình thực tế công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty CP Trường Thọ thông qua số liệu năm 2015.

Một số giải pháp: qua thời gian thực tập và tìm hiểu về công tác kế toán nguyên vật liệu, khóa luận đã đưa ra một số biện pháp nhằm xác định chính xác chi phí nguyên vật liệu nhằm xác định chi phí nguyên vật liệu tại công ty.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn nhiệt tình của **Ths.** Đỗ Thị Thanh Thảo và sự quan tâm giúp đỡ tận tình của các anh chị kế toán trong công ty đã giúp em hoàn thành báo cáo này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng ngày tháng năm 2016

Sinh viên

Nguyễn Thị Thanh Mai

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chuẩn mực kế toán Việt Nam
2. Ngô Thế Chi, Trương Thị Thủy, năm 2008 Giáo trình kế toán tài chính, NXB. Tài chính.
3. Nguyễn Phú Giang, năm 2007 Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính, NXB. Tài chính Hà Nội.
4. PGS.TS. Võ Văn Nhị, năm 2007, Kế toán tài chính, nhà xuất bản Tài chính.
5. Khóa luận của các anh chị khoá trên trường ĐHDL Hải Phòng.